**Chương 3  
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA  
XÃ HỘI, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC,  
THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)**

**MỤC TIÊU**

*Về kiến thức:*

Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, thực hiện công cuộc đổi mới (1975-2018).

*Về tư tưởng:*

Củng cố cho học viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

*Về kỹ năng:*

Rèn luyện cho học viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn công tác, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, thực hiện công cuộc đổi mới.

**I. Lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)**

**1. Giai đoạn 1976-1981**

***a. Đặc điểm của nước ta sau 1975***

**\* Thuận lợi**

- Với đại thắng mùa Xuân năm 1975, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, Tổ quốc hoàn toàn độc lập thống nhất. Để đưa cả nước quá độ lên CNXH, yêu cầu cấp bách là hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước. Bởi vì, thực tiễn sau 1975, đất nước đang tồn tại hai chính quyền, đó là Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Nhà nước Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam; hai quốc kỳ, hai quốc ca; hai mặt trận và nhiều tổ chức đoàn thể quần chúng ở hai miền.

+ Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Hội nghị nhấn mạnh: Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam. Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, dễ ngăn ngừa và mau chóng phá tan những âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới.

+ Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 27-10-1975, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa họp phiên đặc biệt để bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước. Hội nghị cử đoàn đại biểu miền Bắc gồm 25 thành viên do đồng chí Trường Chinh làm trưởng đoàn để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Nam.

+ Từ ngày 15 đến 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc, Nam họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt Nhà nước. Hội nghị chủ trương tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

+ Ngày 3-1-1976 Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

+ Thực hiện chủ trương thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước của Đảng, ngày 25-4-1976 cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành. Hơn 23 triệu cử tri đi bầu và bầu ra 492 đại biểu quốc hội. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước biểu thị ý chí của toàn dân xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

+ Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ Nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, quốc ca là bài Tiến quân ca, quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước, các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước, đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội và đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Thực hiện chủ trương của Đảng, tháng 6-1976 các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị như Mặt trận, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, … ở hai miền cũng đều được Đảng lãnh đạo thống nhất lại với nhau mang một tên gọi chung có từ cuối cùng là Việt Nam.

+ Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; đó là cơ sở để thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

- Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn, một dân tộc có tinh thần tự lực, tự cường, sẵn sàng đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Khí thế cách mạng của dân tộc vừa mới chiến thắng một kẻ thù lớn mạnh, tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống đó trong công cuộc xây dựng đất nước ở giai đoạn mới.

- Đất nước Việt Nam giàu tài nguyên thiên nhiên, rừng vàng biển bạc, đất đai trù phú, có nguồn nhân lực dồi dào có tiềm lực trí tuệ lớn, cần cù, thông minh, sáng tạo, sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Sau khi thống nhất đất nước, Việt Nam tiếp tục nhận được sự viện trợ to lớn về tài chính, hàng hóa và chuyên gia từ các nước XHCN anh em, đặc biệt là Liên Xô và các nước Đông Âu. Đây là sự giúp đỡ vô cùng quan trọng, góp phần cho Việt Nam hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng kinh tế trong điều kiện đất nước hòa bình.

**\* Khó khăn**

+ Nước ta đi lên CNXH với xuất phát điểm thấp: từ một xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, kỹ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

+ Nền kinh tế Việt Nam chuyển từ chỗ được viện trợ không hoàn lại với giá trị khoảng một nửa tổng sản phẩm xã hội hàng năm sang nền kinh tế chủ yếu dựa vào sức mình kết hợp với nguồn viện trợ giảm đi rõ rệt, dưới hình thức chủ yếu là tiền vay và trao đổi hàng hóa, nên nền kinh tế của nước ta vô cùng khó khăn.

+ Hậu quả của chiến tranh, thiên tai tàn phá khá nặng nề. Hậu quả 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc chưa được khắc phục, Việt Nam lại tiếp tục phải gánh chịu hậu quả của hai cuộc chiến tranh biên giới phía Tây nam và phía Bắc.

+ Các thế lực thù địch, phản động thường xuyên chống phá. Với việc Việt Nam đưa quân đội vào Campuchia, Mỹ và nhiều nước đồng minh của Mỹ đã thực hiện bao vây, cấm vận kinh tế đối với nước ta.

Tình hình trên có tác động mạnh mẽ đến quá trình biến đổi cách mạng tại Việt Nam. Trong đó tác động mạnh đến nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

***b. Đại hội lần thứ IV của Đảng (12/1976)***

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến 20-12-1976 tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, Bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương đã bầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư. Đại hội quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khẳng định thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có ý nghĩa quốc tế quan trọng, có tính thời đại sâu sắc.

- Trên cơ sở đánh giá, phân tích đặc điểm cơ bản của tình hình đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã xác định ***đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa*** trong giai đoạn mới của nước gồm:

+ *Mục tiêu*:

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu.

+ *Biện pháp:*

Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học-kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; củng cố quốc phòng, an ninh.

*-* ***Về* *đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa*:**

*+ Mục tiêu*:

Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa (hoàn thành trong 20 năm)

+ *Biện pháp*:

Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng…

+ *Mục đích*: làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công-nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học-kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc.

***- Đường lối đối ngoại:***

Đại hội khẳng định: tăng cư­ờng quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi.

***- Phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976 -1980***

Xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH, hình thành bước dầu cơ cấu kinh tế mới trong cả nước; cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể, làm tốt công tác quần chúng; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội lần IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, con đường lịch sử mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Tuy nhiên, Đại hội lần thứ IV của Đảng còn bộc lộ ***một số hạn chế*** như:

Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nên chưa phát hiện những khuyết tật của chủ nghĩa xã hội thời chiến, chưa đề xuất được con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam một cách thích hợp. Đại hội chưa nhận thức được việc bức thiết phải làm sau chiến tranh là khắc phục hậu quả chiến tranh; dự kiến thời gian phấn đấu để hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế của đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ quá độ là một chủ trương nóng vội; trong kế hoạch kinh tế đã thiên về ưu tiên công nghiệp nặng với quy mô lớn ngay từ đầu, mở rộng quy mô hợp tác xã quá mức, đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế.

***c. Lãnh đạo thực hiện kết hoạch 5 năm (1976-1981) và bảo vệ Tổ quốc***

***\** Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc**

Sau 30 năm chiến đấu liên tục để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là được sống trong hoà bình để xây dựng đất nước. Song, các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chống phá cách mạng Việt Nam, không muốn nước Việt Nam được thống nhất, hoà bình, để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thách thức lớn nhất đối với cách mạng Việt Nam là từ năm 1975 đến năm 1979 phải tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây-Nam đồng thời giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng Pôn Pốt (7-1-1979) và giúp đỡ dân tộc Campuchia hồi sinh đất nước. Từ ngày 17-2-1979 phải chiến đấu bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ ở biên giới phía Bắc.

Các thế lực phản động ở trong nước câu kết với lực lượng bên ngoài ra sức hoạt động phá hoại, lật đổ, đặc biệt là hoạt động của phản động lớn ở Tây Nguyên FULRO kéo dài nhiều năm. Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống các lực lượng phản động, kể cả lực lượng lưu vong xâm nhập về nước, đã bảo vệ vững chắc mọi thành quả của cách mạng. Thắng lợi của quân và dân ta trong việc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn, đã kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ Quốc tế, đã bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước và góp phần củng cố hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới.

**\* Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội**

- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Ban Chấp hành Trung ương đã có nhiều hội nghị chuyên bàn về kinh tế, trong đó tập trung chủ yếu vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, giải quyết vấn đề lương thực. Hội nghị lần thứ 2 (7-1977) bàn về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Hội nghị lần thứ 3 (12-1977) bàn về kế hoạch kinh tế năm 1978, về khắc phục sự trì trệ trong sản xuất và quản lý kinh tế. Hội nghị lần thứ 5 (12-1978) đề ra ba nhiệm vụ lớn của năm 1979 là ổn định và đảm bảo đời sống, bảo đảm an ninh, bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt; đồng thời chuẩn bị điều kiện phát triển cho những năm sau.

- Tuy nhiên, nghị quyết Đại hội IV và các hội nghị Trung ương không đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đất nước và để đáp ứng được yêu cầu bức thiết của cuộc sống, ***Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá IV (8-1979)*** lúc đầu định bàn về kinh tế địa phương và sản xuất hàng tiêu dùng, nhưng sau đã chuyển sang bàn về những vấn đề kinh tế-xã hội cấp bách có liên quan đến đường lối và chính sách kinh tế-xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng kinh tế-xã hội của đất nước, Hội nghị cho rằng nguyên nhân của tình hình khó khăn về kinh tế là do việc xây dựng kế hoạch kinh tế thiếu căn cứ khoa học; chưa kết hợp chặt chẽ kế hoạch hoá với thị trường; chưa chú ý tăng trưởng kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và chưa sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; có những biểu hiện nóng vội, giản đơn trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam. Từ đó, Hội nghị đã quyết định những chủ trương và giải pháp mới, mạnh dạn và sáng tạo, sát hợp với yêu cầu cấp bách của đời sống kinh tế.

Hội nghị xác định phải coi nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là *động viên cao độ và tổ chức toàn dân đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp* nhằm đảm bảo lương thực, thực phẩm, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu.

Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng và cấp bách đó, cần ban hành những chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp như: ổn định mức nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phần còn lại bán cho Nhà nước theo giá thoả thuận hoặc được tự do lưu thông; khuyến khích việc tận dụng đất canh tác còn bỏ hoang hoá; ổn định mức bán thịt lợn, phần còn lại bán giá thoả thuận cho Nhà nước hoặc tự do lưu thông; sửa đổi lại giá lương thực và các loại nông sản khác; bỏ lối phân phối theo định xuất, bảo đảm phân phối theo lao động coi đó là nguyên tắc phân phối chủ yếu. Đối với các xí nghiệp, cần đảm bảo quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ tài chính. Việc xây dựng kế hoạch phải tính đến yếu tố thị trường, và sự tồn tại của thị trường tự do là tất yếu.

*Về cải tạo xã hội chủ nghĩa*

+ Hội nghị cho rằng: phải tận dụng các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể để phát triển sản xuất; phải tuỳ từng ngành nghề, từng mặt hàng và xuất phát từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức sản xuất cho thích hợp. Hội nghị còn chỉ rõ, cái gì hợp tác xã đã làm tốt thì không vội vàng thay thế bằng quốc doanh. Đối với cá thể, kể cả sản xuất, sửa chữa và dịch vụ, xét sản phẩm nào, công việc nào cá thể hiện đang làm tốt, phục vụ tốt thì giúp cá thể tiếp tục làm, một số mặt hàng hiện do quốc doanh phụ trách sản xuất, nay nếu xét để cho tiểu, thủ công nghiệp và tư bản tư nhân sản xuất có điều kiện phát triển thuận lợi hơn thì cần mạnh dạn giao lại cho tiểu, thủ công và tư nhân làm.

+ Đối với công nghiệp tư bản chủ nghĩa ở miền Nam, phải uốn nắn những nhận thức lệch lạc, thực hiện đúng chủ trương của Đảng về sự tồn tại các thành phần kinh tế để tận dụng mọi khả năng lao động, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý nhằm phát triển sản xuất.

+ Đối với công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, Hội nghị xác định: phải nắm vững phương châm *tích cực và vững chắc*, hiện nay phải nhấn mạnh vững chắc; chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, cưỡng ép, mệnh lệnh, làm ồ ạt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhân dân.

Tư tưởng nổi bật của Hội nghị Trung ương sáu là “làm cho sản xuất bung ra”, nghĩa là phải khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, điều chỉnh những chủ trương, chính sách kinh tế, phá bỏ những rào cản để cho lực lượng sản xuất phát triển. Đó là *bước đột phá đầu tiên* trong quá trình tìm tòi, đổi mới của Đảng ta. Nghị quyết ra đời được nhân dân cả nước hồ hởi đón nhận, bước đầu đã xuất hiện những điển hình về cách làm ăn mới phát huy tác dụng tích cực. Tuy nhiên những giải pháp Hội nghị Trung ương 6 nêu ra chưa đủ sức tháo gỡ khó khăn. Sau một thời gian thực hiện lại xuất hiện những khó khăn mới: Sản xuất bung ra nhưng không đúng hướng; hàng lậu, hàng giả xuất hiện nhiều; giá cả ngày càng cao.

- Thực hiện chủ trương của Hội nghị trung ương 6, tháng 10-1979, Hội đồng Chính phủ công bố quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát ngăn sông cấm chợ. Người sản xuất có quyền đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường không phải nộp thuế sau khi làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Được sự quan tâm của Nhà nước trong đầu tư phát triển nông nghiệp và cố gắng của nhân dân, năm 1979 sản lượng lương thực tăng 1.718.500 tấn so với năm 1978.

- Trước hiện tượng “khoán chui” ở một số các hợp tác xã nông nghiệp của các tỉnh, ngày 22-6-1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22, cho phép các địa phương mở rộng thí điểm khoán sản phẩm và khoán việc đối với cây lúa trong các hợp tác xã nông nghiệp.

- Rút kinh nghiệm qua khoán thí điểm cây lúa trong các hợp tác xã nông nghiệp, ngày 13-1-1981, ***Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100/CT-TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp.*** Theo tinh thần của Chỉ thị này, mỗi xã viên nhận mức khoán trên một diện tích nhất định và tự mình làm 3 khâu, cày cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Nếu thu hoạch vượt mức khoán thì xã viên được hưởng. Phương hướng chủ yếu trong cải tiến khoán là khuyến khích lợi ích chính đáng của người lao động làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất và quản lý hợp tác xã đều gắn với sản phẩm cuối cùng.

Chỉ thị ra đời được nhân dân cả nước đón nhận. Chưa có hình thức kinh tế nào khi xuất hiện lại được nhiều người bàn luận sôi nổi và được mở rộng nhanh chóng, biến thành một phong trào quần chúng sâu rộng, thu hút hàng triệu nông dân, không những đem lại hiệu quả kinh tế lớn mà còn mở ra triển vọng tốt đẹp cho việc cải tiến quản lý nông nghiệp như Chỉ thị 100.

Với hình thức khoán ấy, tuy còn ở trình độ thấp nhưng đã tạo nên không khí phấn khởi trong nông dân. Nhiều hiện tượng tiêu cực, lãng phí ngày công đã từng tồn tại từ nhiều năm trong các hợp tác xã nông nghiệp thì chỉ trong một vụ đông xuân (1981-1982) áp dụng cách khoán mới đã giảm nhiều, theo đó sản xuất nông nghiệp ở nước ta trong thời kỳ 1981-1985 đã có những bước tiến đáng kể. Nếu so với mức bình quân hàng năm của thời kỳ trước đó 1976-1980 là 1,9% thì tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp trong thời kỳ 1981-1985 là 4,9%, sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, mức tăng bình quân hàng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kỳ 1976-1980 đã tăng lên 17 triệu tấn trong thời kỳ 1981-1985. Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 62,1%; đàn bò tăng 33,2%; đàn lợn tăng 22%; lương thực cung cấp cho Nhà nước tăng 2 lần.

- Trong lĩnh vực công nghiệp, trên cơ sở tổng kết các hiện tượng “xé rào” và làm thí điểm nhằm phát triển công nghiệp, nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh và Long An, ngày 21-1-1981, ***Chính phủ đã ban hành Quyết định 25-CP về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh*.** Quyết định nêu rõ: Cần lấy kế hoạch làm chính, đồng thời sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá, thị trường, kinh doanh có lãi; cho phép các xí nghiệp quốc doanh có nhiều nguồn cân đối và kế hoạch ba phần (phần Nhà nước giao, phần tự làm, phần sản xuất phụ). ***Cùng ngày 21-1-1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.*** Những chủ trương chính sách nêu trên giúp cơ sở tự giải quyết một phần khó khăn, góp phần thực hiện kế hoạch Nhà nước. Năm 1981, lần đầu tiên sau chiến tranh sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.

- Trên mặt trận phân phối lưu thông, ngày 23-6-1980, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 26/NQ-TW về cải tiến công tác phân phối, lưu thông. Đây là lĩnh vực rất nóng bỏng trong đời sống kinh tế-xã hội ở nước ta thời đó. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu, biện pháp và các bước cụ thể của việc cải tiến công tác phân phối lưu thông. Tuy nhiên, hạn chế của Nghị quyết là chủ trương khuyến khích sản xuất trước (bước 1) rồi trên cơ sở sản xuất phát triển mới cải tiến công tác phân phối lưu thông (bước 2 và 3). Trong khi thực tiễn lại yêu cầu phải cải tiến ngay công tác phân phối lưu thông để phát triển sản xuất. Vì thế, tình hình phân phối lưu thông sau Nghị quyết 26 vẫn chưa có chuyển biến đáng kể.

- Cùng với những chủ trương đổi mới từng phần trên lĩnh vực kinh tế-xã hội, Đảng còn quan tâm kiện toàn bộ máy Nhà nước và tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Những tìm tòi, đổi mới từng phần từ 1979-1981 được xuất phát từ thực tế cuộc sống, dựa trên những sáng tạo của nhân dân, của địa phương. Đó là những giải pháp tình thế, hướng vào giải quyết những khó khăn trước mắt về đời sống kinh tế, xã hội. Những ý tưởng ban đầu của đổi mới tuy còn sơ khai, chưa cơ bản và toàn diện, nhưng đó là bước mở đầu có ý nghĩa, đặt những cơ sở đầu tiên cho quá trình đổi mới toàn diện sau này. Những đổi mới từng phần nêu trên chưa đủ sức giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra vì nó vẫn nằm trong bối cảnh chung là mô hình chủ nghĩa xã hội cũ, tư duy về kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp cơ bản còn tồn tại. Thực tiễn đòi hỏi Đảng phải tiếp tục tìm tòi đổi mới.

Như vậy, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV và các Hội nghị Trung ương sau đó, trong những năm 1976-1979, Đảng đã lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa đạt những thành tựu quan trọng, đó là:

+ *Trên mặt trận kinh tế,* chúng ta đã ra sức phấn đấu khắc phục những hậu quả nặng nề do chiến tranh xâm lược và thiên tai liên tiếp gây ra. Những cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị giặc đánh phá về cơ bản đã được khôi phục; sản xuất trên một số mặt phát triển. Lao động xã hội bước đầu được phân bố lại. Nhờ những cố gắng liên tục trên mặt trận sản xuất lương thực, thực phẩm, những vùng bị thiên tai nặng nề đã vượt qua được nạn đói. Mức sống của các tầng lớp lao động tuy còn thấp, song đời sống nhiều vùng nông thôn đã có những mặt được cải thiện.

+ *Về cải tạo xã hội chủ nghĩa*, đối với các *tỉnh phía Nam*, thực hiện chủ trương: Xóa bỏ triệt để quyền chiếm hữu phong kiến về ruộng đất và những tàn tích bóc lột phong kiến; quốc hữu hóa những cơ sở công thương nghiệp của tư sản mại bản, bọn phản quốc và bọn tư sản chạy ra nước ngoài; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tư bản tư doanh; hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ… Xây dựng kinh tế quốc doanh lớn mạnh nhanh chóng, chiếm ưu thế trong sản xuất và lưu thông, phân phối. Đối với xí nghiệp tư bản tư doanh, phải cải tạo xã hội chủ nghĩa chủ yếu bằng con đường công tư hợp doanh… Xóa bỏ ngay thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất… Kết quả cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh, đã cải tạo được 3.452 cơ sở trong tổng số 3.560 với các hình thức xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh và xí nghiệp hợp tác gia công. Đối với thủ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đã tổ chức được 4.000 tổ đoàn kết sản xuất, 5.000 tổ hợp tác sản xuất, 500 hợp tác xã thu hút 70% lao động chuyên nghiệp vào các tổ chức sản xuất tập thể. Đối với thương nghiệp, chúng ta đã chuyển gần 5.000 tư sản và 9 vạn tiểu thương hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp sang hoạt động sản xuất, trong thời gian cải tạo số tiểu thương kinh doanh lương thực và nông sản lại phát triển thêm 10 vạn người. Qua cải tạo công thương nghiệp, nhà nước đã thâu tóm được các ngành kinh tế quan trọng. Kinh tế quốc doanh và công tư hợp doanh chiếm vị trí chủ đạo trong hầu hết các ngành và lĩnh vực sản xuất như: năng lượng (100%); bia rượu, thuốc lá (100%); mía đường (45%); dệt (60%); sản xuất giống (100%); sản xuất xà phòng (80%)…

+ Trong việc cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp đối với *các tỉnh miền Bắc*. Thực hiện chủ trương đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn mà Đảng đã đề ra, các hợp tác xã đã mở rộng quy mô, tổ chức theo hướng tập trung, chuyên môn hoá và cơ giới hoá. Tính đến năm 1979 toàn miền Bắc có 4.154 hợp tác xã quy mô toàn xã; một số địa phương hợp nhất 2-3 hợp tác xã thành một hợp tác xã quy mô trên 1.000 hécta. Trong các hợp tác xã lập ra các đội chuyên, bao gồm những người lao động trẻ khỏe, làm việc theo chế độ khoán việc dưới sự điều động của ban quản trị hợp tác xã, số lao động còn lại làm việc trong các đội cơ bản theo chế độ 3 khoán.

+ Bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn gay gắt. Mô hình hợp tác xã quy mô lớn tập trung ở miền Bắc thời điểm đó không phù hợp nên nhanh chóng bộc lộ những nhược điểm: ruộng đất bị bỏ hoang, xã viên không thiết tha với ruộng đồng, các ngành nghề làm ăn thua lỗ, thu nhập của xã viên ngày càng thấp. Từ cuối năm 1979, ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng “khoán chui”. Ở miền Nam, tình hình ruộng đất rất phức tạp, việc làm thí điểm hợp tác xã ở miền Trung và Tây Nguyên diễn ra thuận lợi, nhưng thiếu vững chắc, ở Nam Bộ diễn ra phức tạp và lúng túng, sản xuất nông nghiệp có chiều hướng suy giảm.

+ Trên phạm vi cả nước, từ năm 1976 đến năm 1979, đầu tư của nhà nước cho nông nghiệp không ngừng tăng, nhưng năng suất và sản lượng lương thực lại giảm đến mức thấp nhất. Từ 1976 đến đầu năm 1980, đầu tư của Nhà nước cho nông nghiệp chiếm tỷ trọng 19% đến 36%, nhưng năng suất lại giảm: 1976 là 22,3 tạ/ha; 1977 là 19,4 tạ/ha; 1978 là 17,5 tạ/ha; 1979 là 20,1 tạ/ha. Nhà nước đã phải nhập khẩu lương thực ngày càng lớn. Về phát triển công nhiệp, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 0,6%, tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng bình quân 1,4% hàng năm, thu nhập quốc dân chỉ tăng 0,4%, trong khi dân số tăng 2,24%. Đặc biệt, từ cuối năm 1979, đất nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội: sản xuất trì trệ, năng suất, chất lượng hiệu quả thấp; giá cả tăng vọt, đồng tiền mất giá; đời sống nhân dân nhất là cán bộ, viên chức Nhà nước, lực lượng vũ trang rất khó khăn.

Tình hình nêu trên đặt ra yêu cầu tất yếu đối với Đảng ta là phải tìm tòi đổi mới, khắc phục những sai lầm khuyết điểm, đưa đất nước tiến lên theo mục tiêu con đường đã chọn. Từ năm 1979 đến tháng 8 năm 1986 là thời kỳ đổi mới từng phần, có vị trí rất quan trọng đối với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

**2. Giai đoạn 1982-1986**

***a. Tình hình mới***

+ Những năm 80 của thế kỷ XX, tận dụng thành tựu của khoa học, kỹ thuật, các nước chủ nghĩa tư phản phát triển mạnh, trong khi đó các nước CNXH lâm vào khủng hoảng do những sai lầm kéo dài chậm được khắc phục, lại mất cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực tư bản đế quốc, nhiều nước XHCN ở Đông Âu, ĐCS mất vai trò lãnh đạo chính quyền. Nhân tố này ảnh hưởng tiêu cực đến phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam.

+ Nền kinh tế nước ta phổ biến là sản xuất nhỏ, lạc hậu, nhưng phải đáp ứng ba yêu cầu cấp bách: đảm bảo nhu cầu bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng cho đời sống nhân dân và từng bước xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho CNXH. Hậu quả chiến tranh, thiên tai nặng nề. Vết thương chiến tranh cũ chưa được hàn gắn, đất nước lại tiếp tục phải gánh chịu thêm những tàn phá mới của các cuộc chiến tranh biên giới phía Tây nam và phía Bắc. Bên cạnh đó, các thế lực trong nước và ngoài nước chống phá về nhiều mặt.

+ Tình hình kinh tế xã hội của đất nước rơi vào tình trạng khó khăn, những mục tiên Đại hội IV đề ra không thực hiện được trong thực tiễn. Đất nước phải đương đầu với nhiều khó khăn chồng chất, nhất là về kinh tế và đời sống của nhân dân. Nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng vốn tồn đọng từ lâu trong nền kinh tế quốc dân, qua thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1981) chưa được thu hẹp. Thu nhập quốc dân chưa đảm bảo được tiêu dùng xã hội, chưa tạo được tích lũy từ bên trong. Các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu thốn nghiêm trọng. Chênh lệch giữa thu và chi tài chính, giữa hàng và tiền, giữa xuất khẩu và nhập khẩu là quá lớn. Thị trường và giá cả không ổn định vv…

+ Đảng đã chủ quan trong đánh giá tình hình nước ta sau 1975, thiên về thuận lợi mà không đánh giá đúng những khó khăn của đất nước, đề ra chỉ tiêu quá cao; chủ quan, nóng vội muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, như muốn nhanh chóng cải tạo XHCN, xóa bỏ ngay những thành phần kinh tế phi XHCN ở miền Nam như đã từng làm ở miền Bắc. Bộ máy nhà nước cồng kềnh, hoạt động không hiệu quả, quan liêu trong quản lý, lãnh đạo, buông lỏng pháp luật vv…

***b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982)***

- Đại hội lần thứ V của Đảng tiến hành từ ngày 27-3 đến ngày 31-3-1982 tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên trong cả nước, có 47 đoàn đại biểu các đảng cộng sản và công nhân, các tổ chức cách mạng trên thế giới.

- Đại hội đã thảo luận thông qua Báo cáo Chính trị, Báo cáo về phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu về kinh tế-xã hội trong 5 năm 1981-1985, Báo cáo về xây dựng Đảng và bổ sung điều lệ Đảng, Bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá V gồm 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương, khoá V đã bầu ra Ban Bí thư, Tổng Bí thư và Ủy ban kiểm tra Trung ương. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Nội dung Đại hội V của Đảng:

*+ Thứ nhất, Đại hội đưa ra quan niệm mới về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

Đại hội V nêu rõ: thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường, hiện nay nước ta đang ở chặng đường đầu tiên. Đây chính là sự nhận thức và vận dụng đúng đắn quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và sự phân kỳ của thời kỳ quá độ vào điều kiện thực tiễn nước ta.

Đại hội xác định: Chặng đường trước mắt bao gồm thời kỳ 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến những năm 1990 là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt.

Việc khẳng định trên thực tế cách mạng Việt Nam đang ở chặng đường nào trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội có ý nghĩa quyết định trong việc tìm ra và nắm vững quy luật khách quan, làm cơ sở để cụ thể hoá đường lối, xác định chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam; chống chủ quan, nôn nóng, đốt cháy giai đoạn.

*+ Thứ hai, Đại hội xác định cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới có hai nhiệm vụ chiến lược:* xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt những kết quả thiết thực làm cho đất nước ta mạnh lên về mọi mặt và trong mọi hoàn cảnh thì mới có đủ sức đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược của địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Ngược lại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thì mới có điều kiện để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Mỗi nhiệm vụ chiến lược có vị trí riêng, nhưng có mối quan hệ mật thiết, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ hàng đầu.

*+ Thứ ba, Đại hội đã có những điều chỉnh về nội dung, bước đị và cách thức tiến hành của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên.*

Đại hội V khẳng định: Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; đồng thời ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp, hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý.

Nội dung đó phản ánh đúng bước đi, cách thức tiến hành của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, phù hợp với thực tiễn nước ta; nhằm khai thác, phát huy thế mạnh, tiềm năng của đất nước về lao động, đất đai, ngành nghề... giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp, làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên, tạo ra những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

+ *Thứ tư*, Đại hội vạch ra nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm là phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo XHCN nền kinh tế quốc dân. Ba mặt đó kết hợp chặt chẽ với nhau, nhằm đáp ứng nhu cầu bức thiết nhất của đời sống nhân, giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế, khắc phục một bước quan trọng về phân phối lưu thông, ổn định tình hình kinh tế xã hội.

***b. Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết đại hội V***

- Sau Đại hội V, các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V đã tiếp tục cụ thể hoá, phát triển quan điểm của Đại hội về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hội nghị Trung ương 3 Ban chấp hành Trung ương khoá V (12-1982) bàn về phương hướng phát triển kinh tế, xã hội 3 năm (1983-1985). Hội nghị Trung ương 4 (tháng 6-1983) bàn những vấn đề cấp bách về tư tưởng, tổ chức bảo đảm thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội. Hội nghị Trung ương 5 (12-1983) bàn về nhiệm vụ phát triển kinh tế 2 năm (1984-1985). Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) đã bàn sâu về phân phối lưu thông. Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) bàn về kế hoạch Nhà nước năm 1985.

***- Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985***) bàn về vấn đề giá, lương, tiền. *Đây là bước đột phá thứ hai* của Đảng trong quá trình tìm tòi, đổi mới.

Hội nghị chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, thừa nhận quy luật của sản xuất hàng hóa. Đề cập ba nội dung quan trọng của cái cách: Giá cả, tiền lương, tiền tệ (giá – lương - tiền).

+ Giá cả: Thực hiện cơ chế một giá thống nhất và đánh giá đúng, đủ chi phí cho giá thành sản phẩm.

+ Tiền lương: Xóa bỏ chế độ tiền lương hiện vật, thực hiện tiền lương tiền tệ gắn với xóa bỏ bao cấp. Chế độ tiền lương phải đảm bảo cho người lao động tái tạo sức lao động và gắn với chất lượng và hiệu quả lao động.

+ Tiền tệ: Đổi mới lưu thông tiền tệ; thu hút tiền nhàn rỗi; đẩy nhanh nhịp độ quay vòng đồng tiên; chuyển ngân hàng sang hạch toán kinh doanh XHCN.

- Tuy nhiên, tổng điều chỉnh giá- lương – tiền thất bại; lạm phát tăng vọt; kinh tế vĩ mô bất ổn. Đánh giá cuộc cải cách giá, lương, tiền của nghị quyết Trung ương 8, Hội nghị lần thứ 9, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương cho rằng: sự đúng đắn của chủ trương bù giá, thực hiện chính sách bán lẻ theo một giá là cần thiết phù hợp với quy luật của sản xuất hàng hoá. Nhưng tổ chức thực hiện lại mắc những sai lầm, như vội vàng đổi tiền và tổng điều chỉnh giá, lương trong tình hình chưa chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt. Hậu quả lớn nhất của cuộc điều chỉnh giá, tiền, lương, lần này đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng sâu sắc hơn.

- Hội nghị Trung ương 9 khoá V (12-1985) bàn về kế hoạch nhà nước năm 1986. Hội nghị nhận định: Sau các Nghị quyết 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương, nền kinh tế đạt được một số tiến bộ. Song nền kinh tế nước ta vẫn đứng trước những khó khăn gay gắt. Hội nghị chỉ rõ, nguyên nhân sâu sa của tình hình trên là do nhận thức của Đảng về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn chưa rõ.

- Hội nghị Trung ương 10 khoá V (tháng 5-1986) đã phân tích những khuyết điểm, sai lầm trong việc chỉ đạo công tác giá, lương, tiền; khẳng định quyết tâm chiến lược xoá bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 8-1986 đưa ra bản “*Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế*”. Đây là *bước đột phá thứ ba,*đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới.

*+ Về cơ cấu sản xuất*

Hội nghị phân tích nguyên nhân: do chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Đây là một *nguyên nhân quan trọng* khiến cho sản xuất trong 5 năm gần đây như dậm chân tại chỗ, năng suất lao động giảm, chi phí sản xuất không ngừng tăng lên, tình hình kinh tế xã hội ngày càng không ổn định.

Đây cũng là *nguyên nhân trực tiếp* của tình trạng chậm giải quyết căn bản các vấn đề về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và tạo nguồn hàng cho xuất khẩu. Bởi vậy, cần tiến hành một cuộc điều chỉnh lớn về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn cả về quy mô và nhịp độ, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu. Theo hướng đó, cần tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư, thực hiện cho được ba chương trình quan trọng nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

*+ Về cải tạo xã hội chủ nghĩa*

Hội nghị cho rằng, do chưa nắm vững quy luật đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên chúng ta đã phạm nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần*, đó là sự cần thiết khách quan để phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, tạo thêm việc làm cho người lao động, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; cải tạo XHCN không chỉ là sự thay đổi chế độ sở hữu, mà còn thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối, đó là một quá trình gắn liền với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, vì vậy không thể làm một lần hay trong một thời gian ngắn là xong.

*+ Về cơ chế quản lý kinh tế*

Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau, tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hội nghị nêu ra những nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là: Đổi mới kế hoạch hoá theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hoá-tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Như vậy, Nghị quyết Đại hội V và cách Hội nghị Trung ương khóa V từng bước điều chỉnh và đưa ra những quyết sách quan trọng nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế xã hội và phân phối lưu thông. Đó là quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm cũ và mới, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Những quan điểm mới được trình bày trong bản kết luận đã định hướng cho việc soạn thảo Báo cáo Chính trị để trình ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, thay cho bản Dự thảo Báo cáo chính trị được chuẩn bị trước đó, vì trong bản dự thảo ấy vẫn còn giữ lại nhiều quan điểm cũ không phù hợp với yêu cầu trước mắt là khắc phục cho được khủng hoảng kinh tế-xã hội và lâu dài đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

***3. Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ   
1975-1986***

*a. Thành tựu:*

Tổng kết 10 năm cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986) nêu lên những thành tựu nổi bật:

*-* Thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước*.*

*-* Cở sở vật chất kỹ thuật của CNXH được tăng cường, trong đó công trình thủy điện Hòa Bình và Trị An được khởi công xây dựng.

-Giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và làm nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước bạn Lào, Campuchia.

*-* Những thành tựu trên đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên.

*b. Hạn chế và nguyên nhân:*

- Bên cạnh đó, tình hình kinh tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn: Sản xuất tăng chậm, không đáp ứng được yêu cầu nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân. Một số chỉ tiêu quan trọng không đạt được; hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp; phân phối lưu thông rối ren, căng thẳng, vật giá tăng nhanh, ngân sách thâm hụt, lạm phát tăng; mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được thu hẹp, có mặt gay gắt hơn trước; quan hệ sản xuất XHCN chậm được củng cố; vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu; các thành phần kinh tế phi XNCH chưa được sử dụng và cải tạo đúng đắn; Tiêu cực, tham những tràn lan, pháp luật, kỹ cương bị buông lỏng. Mục tiêu trước mắt là ổn định tình hình kinh tế xã hội, ổn định đời sống nhân dân chưa thực hiện được.

*Nguyên nhân* dẫn đến khủng hoảng là:

Về khách quan: Chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, lại chịu hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh. Đất nước được giải phóng, trong khi chúng ta đang rất cần một môi trường hòa bình thực sự để xây dựng đất nước, hàn gắn những vết thương nghiêm trọng do chiến tranh gây ra, thì cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc lại bùng nổ. Cũng từ sau năm 1975, quan hệ quốc tế có nhiều thay đổi, nguồn viện trợ nước ngoài đối với ta giảm mạnh.

Về chủ quan (6 vấn đề): Sai lầm trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi; Sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế; Sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa; Sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; Duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; Còn buông lỏng chuyên chính vô sản (cả trong quản lý kinh tế, xã hội, trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của địch…).

Những sai lầm nói trên là những *sai lầm nghiêm trọng và kéo* dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm nói trên, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế là *bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội,* chạy theo nguyện vọng chủ quan. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa “tả” khuynh vừa hữu khuynh. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân bắt nguồn từ “những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng”.

**II. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới và hội hập quốc tế (1986-2018)**

1. ***Lãnh đạo khởi xướng đổi mới toàn diện (1986-1996)***

**a. Đại hội VI của Đảng và thực hiện kế hoạch 5 năm 1986-1991**

***\* Hoàn cảnh lịch sử:***

***Thế giới***

- Từ giữa thập kỷ 80, cuộc cách mạng khoa học công nghệ (đặc biệt là công nghệ thông tin) phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia dân tộc. Khoa học –kỹ thuật, công nghệ trở thành động lực phát triển của nền kinh tế; tham gia trực tiếp vào nền sản xuất và trở thành một trong những yếu tố quan trọng của LLSX. Trước diễn biến mới của tình hình thế giới, các nước lớn và lực lượng chính trị quốc tế thực hiện điều chỉnh chiến lược đối nội, đối ngoại và phương thức hành động cho phù hợp với nhu cầu nhiệm vụ bên trong và xu hướng phát triển của thế giới.

- Trước biến động của bối cảnh quốc tế, Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN tiến hành cải cách, cải tổ. Tuy nhiên, hệ thống các nước XHCN lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Chế độ XHCN ở các nước Đông Âu lần lượt sụp đổ, cuối cùng là Liên Xô dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế. Trật tự thế giới hai cực tan rã, trật tự thế giới mới hình thành do Mỹ cầm đầu. Các nước phát triển đấu tranh mạnh mẽ nhằm xác lập vai trò, vị thế của mình đối với khu vực và thế giới. Xu hướng đa cực hoá chính trị đang trở thành phổ biến của thế giới đương đại.

***Trong nước***

Những năm giữa thập kỷ 80, thực trạng đất nước khó khăn, phức tạp. Nền kinh tế nước ta phổ biến vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, hậu quả chiến tranh, thiên tai tàn phá nặng nề. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp bộc lộ khuyết tật. Đặc biệt sai lầm của cải cách giá, lương, tiền làm cho kinh tế xã hội khủng hoảng trầm trọng, lạm phat tăng 774%, đời sống nhân dân thì khó khăn, lòng tin của nhân dân đối với Đảng thì giảm sút. Tình trạng tham nhũng, lãng phí tràn lan vv…

- Các thế lực thù địch thực hiện “diễn biến hòa bình”, nhằm xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; lợi dụng những chiêu bài dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá chế độ chính trị ở nước ta.

Trước những biến động của tình hình thế giới và trong nước, Đảng khẳng định: phải nhìn thẳng vào sự thật, phải nói rõ sự thật, phải đánh giá đúng tình hình, phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế.

***\* Đại hội VI của Đảng (1986)***

Đại hội VI thay mặt cho hơn hai triệu đảng viên cả nước đã họp tại Hà Nội (12-1986), thông qua các văn kiện chính trị quan trọng và bầu Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư Đảng.

- Báo cáo chính trị của Đại hội đã chỉ ra thành công, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, bài học của Đảng và chủ trương đổi mới toàn diện công cuộc xây dựng đất nước. Đảng nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm trong thời kỳ 1975-1986. Đại hội đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm:

*+ Một là,* trong toàn bộ hoạt động của mình Đảng phải phải quán triệt tư tưởng: “lấy dân làm gốc”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

*+ Hai là,* Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

*+ Ba là,* kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

+ *Bốn là,* xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng XHCN.

- ***Nội dung đường lối đổi mới***

*+ Nhận thức về thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta:*

Đại hội khẳng định thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là một quá trình lịch sử tương đối lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường; nước ta đang ở những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh CNHXHCN trong chặng đường tiếp theo.

Mục tiêu cụ thể trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; đảm bảo nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

*+ Đổi mới về kinh tế*

**Về cơ cấu kinh tế:**

Bố trí cơ cấu kinh tế hợp lý: nông - công nghiệp và dịch vụ, trong đó tập trung thực hiện 3 chương trình mục tiêu: lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

**Về cải tạo xã hội chủ nghĩa**

Đẩy mạnh cải tạo XHCN là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH, với những hình thức và bước đi thích hợp, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đại hội VI khẳng định sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ: Kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể), kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

**Về cơ chế quản lý kinh tế:**

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh XHCN, kết hợp kế hoạch với thị trường.

*+ Về chính sách xã hội:*

Quan điểm về chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Đại hội VI chú trọng đến nhóm chính sách dân số, việc làm, công bằng xã hội, giáo dục, văn hóa, sức khỏe nhân dân, bảo trợ xã hội vv…

*+ Về đối ngoại*:

Đại hội VI khẳng định mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên thế giới trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và các bên cùng có lợi. Trong đó nhấn mạnh: tăng cường quan hệ với ba nước Đông Dương; sẵn sàng thương lượng và hợp tác với các nước ĐNA; tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước XHCN; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc; mở rộng quan hệ hữu nghị vớ các nước phương Tây, sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ.

*+ Đổi mới Đảng*

Đảng phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tư duy lý luận, nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội và đặc trưng, quy luật, hình thức, bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Xây dựng Đảng ngang tầm một đảng cầm quyền lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược.

***\* Ý nghĩa của Đại hội***

- Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Chủ trương đổi mới toàn diện của Đảng được tập trung về đổi mới tư duy kinh tế.

- Đường lối đổi mới của Đại hội VI được triển khai đi vào cuộc sống đã từng bước đưa kinh tế - xã hội của đất nước ra khỏi khủng hoảng, đời sống nhân dân được nâng cao.

***\* Lãnh đạo thực hiện đổi mới toàn diện (1986-1991)***

- Nghị quyết Đại hội VI được thực hiện trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động. Các nước trong hệ thống XHCN ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện gây tác động bất lợi nhiều mặt đối với Việt Nam. Quan hệ kinh tế đối ngoại, trên một số mặt bị xáo trộn. Trong khi đó các thế lực thù địch vẫn bao vây cấm vận kinh tế với nước ta. Các tổ chức phản động trở về Việt Nam gây bạo loạn, lật đổ. Trong thập kỷ 80, Trung Quốc vẫn bắn pháo, gây hấn trên một số vùng biên giới phía Bắc của nước ta. Cao điểm nhất, tháng 3-1988, Trung Quốc cho quân đội chiếm đảo Gạc Ma và các bãi cạn trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Quan hệ Việt-Trung, Việt- Mỹ vốn căng thẳng, nay càng căng thẳng hơn.

Ở trong nước, những năm 1987-1988 khủng hoảng kinh tế-xã hội diễn ra nghiêm trọng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Hội nghị Trung ương 2, 3, 4, khóa VI của Đảng đã chỉ đạo thực hiện đổi mới các lĩnh vực chủ yếu sau:

- *Đổi mới kinh tế:*

*Một là,* đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn về lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Trong *nông nghiệp*, nổi bật nhất là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên, gọi tắt là Khoán 10 (4-1988). Theo đó, người nông dân nhận khoán canh tác trên diện tích theo quy mô thích hợp và ổn định trong 15 năm; bảo đảm cho họ có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên. Trong *công nghiệp*, chủ trương xoá bỏ chế độ bao cấp, chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học-kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hoá theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông. Thực hiện bốn giảm: giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân, mở rộng giao lưu hàng hoá, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các trục đường giao thông.

*Ba là,* Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế, vừa nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, vừa phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác. Các thành phần kinh tế bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Đến cuối năm 1988, chế độ phân phối theo tem phiếu đã được xóa bỏ. Lương thực, từ chỗ thiếu triền miên, năm 1988 phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo, đến năm 1990 đã đáp ứng được nhu cầu, có dự trữ và xuất khẩu. Hàng tiêu dùng, dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, mở rộng hơn trước.

- *Đổi mới hệ thống chính trị*

Để chủ động trước tác động xấu của sự khủng hoảng ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Hội nghị Trung ương 5, 6, 8 khóa VI đã có quyết định quan trọng về chính trị:

*+ Một là, xác định sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới*

Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn bằng quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới không phải xa rời mà là vận dụng sáng tạo và phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đổi mới nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh và hiệu lực của các tổ chức trong *hệ thống chính trị* (trước đây gọi là hệ thống chuyên chính vô sản).

Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*+ Hai là,* *xác định yêu cầu công tác tư tưởng trong tình hình mới*

Công tác tư tưởng phải nâng cao chất lượng và tính hiệu quả, bảo đảm tính chủ động kịp thời, tính chiến đấu sắc bén, phục vụ tích cực việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, thúc đẩy công cuộc đổi mới.

Công tác tư tưởng phải khẳng định: Tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội và những thành tựu của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Tính khách quan của quá trình cải tổ, cải cách, đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế. Kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự đoàn kết thống nhất ý chí và hành động trong Đảng và xã hội, đấu tranh chống tiêu cực.

*+ Ba là, đánh giá tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng*

Khẳng định trong quá trình phát triển, Liên Xô, các nước các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã giành nhiều thành tựu quan trọng có ý nghĩa lịch sử.

*Nguyên nhân sâu xa* dẫn đến khủng hoảng là do việc xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội có những khuyết điểm. Khi thực hiện, những khuyết điểm kéo dài, chậm được phát hiện, chậm sửa chữa và sửa chữa không giữ vững nguyên tắc.

*Nguyên nhân trực tiếp* do những người lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Liên xô đã phạm những sai lầm nghiêm trọng, xa rời hoặc từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin và các nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng Cộng sản, chấp nhận đa đảng. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế tăng cường can thiệp, thực hiện “diễn biến hoà bình”. Cuộc khủng hoảng trên dẫn đến hoài nghi về chủ nghĩa xã hội, giảm lòng tin đối với Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Những phần tử cơ hội, bất mãn nhân dịp đó đẩy mạnh chống phá, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng. Các thế lực thù địch trong, ngoài nước ráo riết hoạt động hòng xoá bỏ Đảng Cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Từ sự khủng hoảng đó Trung ương xác định phải đổi mới, nâng cao trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu, phải xác định rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; giữ vững các nguyên tắc trong quá trình đổi mới; không chấp nhân đa nguyên chính trị, đa đảng; cảnh giác và kiên quyết chống âm mưu “diễn biến hoà bình...

*+ Bốn là,* *chủ trương giải quyết một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng*

Đảng phải đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo, nâng cao giác ngộ, bồi dưỡng lý tưởng, kiến thức và năng lực lãnh đạo, mở rộng dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật trong Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với các tầng lớp nhân dân lao động.

Những đổi mới về hệ thống chính trị nêu trên của Đảng đã kịp thời làm cho tình hình đất nước ổn định và thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Từ tháng 5 năm 1988, Việt Nam rút hết quân tình nguyện ở Campuchia về nước; tiến hành những bước đầu tiên giải quyết bất đồng và bình thường hoá quan hệ Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Hoa Kỳ. Việt Nam và Ủy ban Châu Âu thiết lập quan hệ ngoại giao (10-1990).

**b. Đại hội VII của Đảng và thực hiện kế hoạch 5 năm (1991-1996)**

***\* Tình hình mới***

Cuộc khủng hoảng toàn diện trong các nước XHCN đã dẫn đến tan rã hoàn toàn. Cuối tháng 9-1991, Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động. Ngày 25-12-1991, Liên Xô giải tán. Sự kiện đó gây chấn động về chính trị, kinh tế và trật tự thế giới. Phong trào cách mạng thế giới đi vào thoái trào.

Các thế lực đế quốc và phản động đẩy mạnh thực hiện diễn biến hòa bình, tuyên truyền, tấn công quyết liệt nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa xã hội còn lại, trong đó Việt Nam.

Sau hơn 4 năm đổi mới, kinh tế - xã hội của đất nước có chuyển biến tích cực, nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng. Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế-xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.

***\* Đại hội VII của Đảng (6/1991)***

- Đại hội VII của Đảng thay mặt cho hơn hai triệu đảng viên cả nước đã họp tại Hà Nội (6-1991), Đại hội thông quan các văn kiện : Báo cáo chính trị,Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000* và bầu đồng chí Đỗ Mười là Tổng Bí thư Đảng.

+ Đại hội đã tổng kết những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam; những sai lầm, khuyết điểm của Đảng và nêu ra những bài học lớn:

*Một là,* phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. *Hai là,* đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là,* phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội. *Bốn là,* tiếp tục phát huy sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp. *Năm là,* trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới.

+ Trong bố cảnh hệ thống CNXH sụp đổ, Trung Quốc tuyên bố xây dựng CNXH mang màu sắc Trung quốc. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ cũng chỉ rõ *đặc trưng của CNXH của Việt Nam*: Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

+ Đại hội đề ra *mục tiêu tổng quát* đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế-xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990.

+ *Mục tiêu cụ thể* của 5 năm 1990-1995 : kiềm chế, đẩy lùi lạm phát, giữ vững và phát triển sản xuất,bắt đầu có tích luỹ từ nền kinh tế quốc dân; tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân; tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hoạt động của Nhà nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng.

+ Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn liền với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế-xã hội, cải cách bộ máy nhà nước, đổi mới công tác quần chúng, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt, lần đầu tiên khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

- Đại hội VII của Đảng là “Đại hội của trí tuệ-đổi mới, dân chủ-kỷ cương-đoàn kết” hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.

***\* Lãnh đạo tiếp tục thực hiện đổi mới toàn diện (1991-1996)***

Sau Đại hội VII, Hội nghị Trung ương 5, 7 khóa VII của Đảng họp và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, giải quyết cụ thể nhiều vấn đề quan trọng:

**- Đổi mới kinh tế**

*Một là,* chủ trương *đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn đến năm 2000* với ba mục tiêu chủ yếu: Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển; đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh; có cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của nông dân.

*Hai là,* chủ trương *phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000* theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình.

Sau 5 năm 1991-1995, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm năm đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5-6,5%). Đã bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

**- Đổi mới hệ thống chính trị(***Hội nghị Trung ương 3 khóa VII)*

*Một là,* *đổi mới và chỉnh đốn Đảng*

*Nguyên tắc* đổi mới và chỉnh đốn Đảng là quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng XHCN, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

*Yêu cầu và phương châm* đổi mới, chỉnh đốn Đảng: xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng; chỉnh đốn Đảng về tổ chức, tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ; đổi mới và tăng cường công tác dân vận; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

*Hai là,* *Hội nghị giữa nhiệm kỳ* *của Đảng (1-1994)*

Hội nghị khẳng định, đổi mới là sự nghiệp khó khăn, song Đảng đã mạnh dạn tìm tòi, dũng cảm tiến hành và giành thắng lợi quan trọng. Hội nghị chỉ ra những thách thức lớn *là:* Nguy cơ *tụt hậu xa hơn về kinh tế* so với nhiều nước trong khu vực và trên thế ; nguy cơ *chệch hướng* XHCN; nguy cơ về nạn *tham nhũng và tệ quan liêu*; nguy cơ "*diễn biến hoà bình*" của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau.

*Những cơ hội lớn là:* Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí, nhân dân ta cần cù, thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng ; các lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ; những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới ; sự phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và khu vực mang đến cho chúng ta thêm những nguồn lực quan trọng.

Mục tiêu đến hết nhiệm kỳ Đại hội VII là thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu của *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000*, phấn đấu vì *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*. Hội nghị đã bầu bổ sung vào Trung ương Đảng 20 uỷ viên mới để thay thế cho các ủy viên vì lý do sức khoẻ hoặc bị kỷ luật.

*Ba là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách một bước nền hành chính nhà nước :*

Xây dựng Nhà nước XHCN, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: Lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Tăng cường pháp chế XHCN. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Kiện toàn nhà nước là quá trình tương đối lâu dài, phải được tiến hành với những bước đi tích cực, vững chắc, gắn chặt với đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

-**Đổi mới, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội(***Hội nghị Trung ương 4 khóa VII - 1993)*

Đảng ra các nghị quyết về bồi dưỡng, phát huy nguồn lực con người; một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt; tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo; những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân; chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình; công tác thanh niên trong thời kỳ mới.

Như vậy, chủ trương của Đảng thể hiện: tất cả là do con người, tất cả vì hạnh phúc con người, coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng.

**- Đổi mới về quốc phòng, an ninh, đối ngoại***(Hội nghị Trung ương 3 khóa VII - 1992)*

*+ Củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia* là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các lực lượng vũ trang bao gồm quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

+ Kiên quyết chống lại những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” và các hoạt động phá hoại khác của các thế lực thù địch.

+ Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trong sạch vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

+ Đối ngoại : Chủ trương mới của Đảng là mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại, trên nguyên tắc tôn trọng độc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quan hệ đối ngoại đã được mở rộng, đất nước phá thế bị bao vây cấm vận. Tháng 11-1991, hai Đảng, Nhà nước Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ. Tháng 7-1995, Việt Nam và Hoa Kỳ đặt quan hệ ngoại giao và Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

**2. Lãnh đạo đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế (1996-2018)**

**a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và thực hiện kế hoạch 5 năm (1996- 2001)**

**\* *Hoàn cảnh lịch sử :***

Những năm cuối thế kỷ XX, cách mạng khoa học và công nghệ phát triển nhanh với trình độ cao hơn trước. Các nước tư bản phát triển tiếp thu thành tựu của KHCN phát triển đạt nhiều thành tựu kinh tế, quân sự vv... Đây là nhân tố thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội; cạnh tranh kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ diễn ra gay gắt.

Trong khi đó hệ thống CNXH sụp đổ và phong trào cách mạng thế giới lâm vào thoái trào. Khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở các nước Đông Nam Á và châu Á lan rộng trong khu vực, tác động xấu đến nền kinh tế nước ta.

Sau 10 năm đổi mới, Việt Nam bước đầu đã đạt dược những thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Quan hệ đối ngoại phát triển mạnh mẽ, phá được thế bị bao vây, cô lập, tham gia tích cực vào cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên Việt Nam vẫn là nước nghèo và kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.

**\* *Nội dung Đại hội VIII của Đảng***

Đại hội VIII của Đảng thay mặt cho hơn 2,1 triệu đảng viên cả nước họp tại Hà Nội (12-1986) đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng và bầu Đỗ Mười tiếp tục làm Tổng Bí thư Đảng.

*-* Đại hội đánh giá công cuộc đổi mới trong 10 năm (1986-1996) thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn.

- Nhiệm vụ của chặng đường đầu tiên trong thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, cho phép đất nước chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đại hội tổng kết 10 năm đổi mới và nêu ra sáu bài học chủ yếu:

*Một là,* giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới. *Hai là,* kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. *Ba là,* xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Bốn là,* mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của cả dân tộc. *Năm là,* mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại. *Sáu là,* tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

- Mục tiêu của CNH, HĐH : Phấn đấu đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp, có cơ sở vật chất-kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh

*- Để thực hiện mục tiêu trên, Đại hội đưa ra quan điểm chỉ đạo công nghiệp hoá, hiện đại hoá:*

+ Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

+ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

+ Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

+ Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

+ Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.

+ Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

- Đại hội VIII nhấn mạnh một quan điểm về kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN:

*Một là*: Sản xuất hàng hoá, cơ chế thị trường không đối lập với CNXH mà là thành tựu phát triển của văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng CNXH.

*Hai là*: Trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở nước ta, thị trường theo định hướng XHCN là một thể thống nhất với nhiều lực lượng tham gia sản xuất và lưu thông, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Thị trường trong nước gắn với thị trường thế giới.

*Ba là*: Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng vĩ mô, thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh.

*Bốn là*: Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của nhà nước, đồng thời phải xác lập đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị sản xuất kinh doanh nhằm phát huy tác động tích cực đi đôi với việc ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực của thị trường. Nhà nước quản lý kinh tế thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và các nguồn lực chủ đạo của kinh tế Nhà nước...

- Đại hội đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 1996-2000, nêu nhiệm vụ tổng quát, những tư tưởng chỉ đạo, các chương trình và lĩnh vực phát triển.

*- Xây dựng Đảng* : Đại hội khẳng định xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới là vấn đề có ý nghĩa quyết định thành công của cách mạng trên con đường đổi mới. Đảng phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên. Củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**\* *Lãnh đạo thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2001)***

Sau Đại hội VIII, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ cụ thể, nổi bật là:

- *Đổi mới kinh tế*

Nghị quyết Trung ương khóa IV (1997) khóa VIII : Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cần kiệm để công nghiệp hoá, tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất. Thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội.

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hợp tác hoá, dân chủ hoá. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính-tiền tệ; thực hành triệt để tiết kiệm. Tích cực giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế-xã hội.

Kết quả, đến năm 2000, kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá, GDP tăng bình quân hằng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 13,5%. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

- *Đổi mới hệ thống chính trị- Hội nghị Trung ương 3, 6 khóa VIII*

*Một là,* *phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh* với quan điểm chỉ đạo :

Phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

*Hai là,* *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.* Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

Tiêu chuẩn chủ yếu của cán bộ là: Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tuỵ phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối, của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ. Các tiêu chuẩn đó quan hệ mật thiết với nhau, coi trọng cả đức và tài, lấy đức là gốc.

*Ba là,* *giải quyết một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng.* Yêu cầu đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Kiên định những quan điểm có tính nguyên tắc sau: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận "đa nguyên, đa đảng". Nhà nước Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

*Bốn là,* *tiếp tục xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của Đảng từ Trung ương đến cơ sở*. Xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, nâng cao trách nhiệm và chất lượng hoạt động của các đại biểu Quốc hội; rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức cơ quan Chính phủ và chính quyền địa phương, tinh giản hợp lý tối đa các cơ quan thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tinh giản các đơn vị thuộc các Bộ; chỉ đạo và sắp xếp tổ chức của hai ngành kiểm sát và toà án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.

Theo Chỉ thị số 30/CT-TW, ngày 18-2-1998, của Bộ Chính trị về “Quy chế dân chủ”, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phổi hợp ban hành Quy chế dân chủ ở các loại hình tổ chức cơ sở và các lĩnh vực trên cả nước.

Những chủ trương đổi mới hệ thống chính trị đã đóng góp quan trọng vào thắng lợi của đất nước qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII.

- *Xây dựng và phát triển văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội(Nghị quyết Trung ương 2, 5 khóa VIII (1998)*

*Một là,* *định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến nǎm 2000*

Xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ tổ quốc; công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; giữ gìn và phát huy các giá trị vǎn hoá của dân tộc, có nǎng lực tiếp thu tinh hoa vǎn hoá nhân loại; phát huy tiềm nǎng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ nǎng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức kỷ luật ; có sức khoẻ, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo, trong các chính sách, nhất là chính sách công bằng xã hội. Coi giáo dục-đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định tǎng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Giáo dục-đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng công đồng, từng tập thể.

Phát triển giáo dục-đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, những tiến bộ khoa học-công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh.

*Hai là,* *định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá* với quan điểm chỉ đạo :

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, đi sâu nghiên cứu, tổng kết quá trình đổi mới đất nước.

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng-an ninh.

Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà, tăng cường cơ sở vật chất-kỹ thuật, từng bước hình thành nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt Nam.

*Ba là,* xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với quan điểm chỉ đạo:

- Vǎn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội.

- Nền vǎn hóa mà chúng ta xây dựng là nền vǎn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nền vǎn hóa Việt Nam là nền vǎn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- Xây dựng và phát triển vǎn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- Vǎn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển vǎn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.

Mười nhiệm vụ cụ thể xây dựng và phát triển vǎn hóa là: Xây dựng con người Việt Nam; xây dựng môi trường vǎn hóa; phát triển sự nghiệp vǎn học-nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản vǎn hóa; phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo và khoa học-công nghệ; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn, phát huy và phát triển vǎn hóa các dân tộc thiểu số; chính sách vǎn hóa đối với tôn giáo; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế vǎn hóa; mở rộng hợp tác quốc tế về vǎn hóa;

Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII (7-1998) được ví như Tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, phong trào thi đua yêu nước “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa” được phát động rộng rãi trên cả nước, trên nhiều lĩnh vực góp phần làm chuyển biến đời sống tinh thần xã hội.

**b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX và thực hiện kế hoạch 5 năm (2001-2006)**

***\* Tình hình mới:***

Những năm dầu thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhảy vọt, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức. Toàn cầu hoá là xu thế khách quan, lôi cuốn nhiều nước tham gia. Sau sự kiện 11-9-2001, Mỹ liên minh với các nước chống khủng bố, đồng thời tăng cường can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước.

Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu, cần cơ sự hợp tác đa phương mới giải quyết được như môi trường, dịch bệnh, tội phạm khủng bố, bùng nổ dân số vv… Khu vực Đông Nam Á, châu Á-Thái Bình Dương trở thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới thúc đẩy công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu. Kinh tế đất nước tăng trưởng khá; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Tình hình chính trị-xã hội ổn định; quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt.

Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm mà Đại hội VIII đề ra là 9 - 10% đã không đạt. Các nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng (1-1994) đã nêu ra vẫn là những thách thức lớn của cách mạng nước ta.

***\* Đại hội IX của Đảng (4/2001)***

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng thay mặt cho gần 2,5 triệu đảng viên cả nước đã họp tại Hà Nội (4-2001) thông qua các văn kiện chính trị quan trọng : Báo cáo chính trị, *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010* và bầu Nông Đức Mạnh làm Tổng Bí thư Đảng.

+ *Đại hội tổng kết* 15 năm đổi mới và khẳng định những bài học của Đảng nêu ra vẫn còn giá trị:

*Một là,* trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*Hai là,* đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. *Ba là,* đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. *Bốn là,* đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới*.*

+ Về *Con đường đi lên CNXH của nước ta*: phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Đây là con đường khó khăn, phức tạp, nên phải trải qua nhiều chặng đường trong thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau vv... đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ *Mục tiêu tổng quát*: Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

+ Mục tiêu cụ thể : đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi năm 2000. Tích lũy nội bộ nền kinh tế đạt trên 30% ; nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên hai lần nhịp độ tăng GDP. Tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp là trên 16 -17%, công nghiệp 40 - 41%, dịch vụ 42-43% ; tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%.

+ Đại hội chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (về mục đích phát triển, tính định hướng, phân phối vv)

*+ Động lực chủ yếu để phát triển đất nước* là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

+ Về đối ngoại: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. *Việt Nam sẵn sàng là bạn, đồng thời là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.*

Đại hội lần thứ IX của Đảng là Đại hội tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước trưởng thành về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hoá Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong hoàn cảnh lịch sử mới.

***\* Lãnh đạo thực hiện kế hoạch 5 năm (2001-2006)***

Trong 5 năm, Hội nghị Trung ương 2, 5, 7 khóa IX của Đảng đã họp và chỉ đạo và thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- *Đổi mới kinh tế*

*+ Một là,* *tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*, tạo bước phát triển mới, tạo thế và lực cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

*+ Hai là*, *tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*. Thống nhất nhận thức về sự cần thiết phát triển kinh tế tập thể; xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách; nâng cao vai trò quản lý của nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đổi với phát triển kinh tế tập thể.

*+ Ba là, tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân*. Coi *kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng* của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế.

*+ Bốn là, tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai* *trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* với quan điểm chỉ đạo:

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước; quyền sử dụng đất là hàng hoá đặc biệt. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo pháp luật. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho cá nhân.

- *Đổi mới về hệ thống chính trị*

*+ Một là,* *chủ trương nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn.* Xác định chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị; xây dựng quan hệ đoàn kết, phối hợp, thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh.

*+ Hai là,* *nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận* của Đảng là:

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân.

Góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế-xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống.

Chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

*+ Ba là,* đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh.. Mục đích làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần, tư tưởng của xã hội ta.

*+ Bốn là,* chủ trương *phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc* vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm phát triển bền vững đất nước.

Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

*+ Năm là,* khẳng định *công tác dân tộc của Đảng*

Dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách của cách mạng Việt Nam. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh-quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi ; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số.

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

*+ Sáu là,* khẳng định *công tác tôn giáo của Đảng*

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật.

Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng tr­ước pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc.

Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

- *Về đổi mới phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội*

*+ Một là,* kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, khoá VIII và chủ trương phát triển giáo dục-đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2010. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo nhân tài; phát triển hợp lý quy mô giáo dục trên cơ sở bảo đảm chất lượng; điều chỉnh cơ cấu, gắn đào tạo với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

*+ Hai là,* kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và tiếp tục xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu để tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ nước ta trong thời kỳ mới.

*+ Ba là,* kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu để tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới.

- *Về đổi mới, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại*

*+ Một là,* ban hành *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*.

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

*+ Nhiệm vụ cơ bản về bảo vệ Tổ quốc*: Giữ vững hòa bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng XHCN.

Xây dựng Đảng là nhiệm vụ theo chốt, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ.

Nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với việc tăng cường trật tự kỷ cương. Chú trọng giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng lòng cốt. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế, ưu tiên phát triển hợp tác với các nước láng giềng, chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước và trung tâm lớn.

*+ Hai là,* *chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*

Phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế ; bảo đảm độc lập, tự chủ và đinh hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc; an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường*.*

Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; trong quá trình hội nhập cần phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức, cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập tuỳ theo đối tượng, vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể; vừa phải đề phòng tư tưởng trì trệ, thụ động, vừa phải chống tư tưởng giản đơn, nôn nóng.

Nhận thức đầy đủ đặc điểm nền kinh tế nước ta, từ đó đề ra kế hoạch và lộ trình hợp lý, vừa phù hợp với trình độ phát triển của đất nước.

Kết hợp chặt chẽ hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nhằm củng cố chủ quyền và an ninh đất nước, cảnh giác với những mư­u toan thông qua hội nhập để thực hiện ý đồ, diễn biến hoà bình đối với nước ta.

*+ Ba là,* Nghị quyết số 36 Bộ Chính trị khóa IX (3-2004) chủ trương coi người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời, là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Nhà nước có trách nhiệm thoả thuận với các nước hữu quan về khuôn khổ pháp lý để đồng bào ổn định cuộc sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài theo luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế.

**c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và thực hiện kế hoạch 5 năm (2006-2011)**

***\* Tình hình mới***

Trong thập kỷ đầu thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nổi bật là công nghệ thông tin có bước phát triển nhảy vọt. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng tiềm ẩn những yếu tố khó lường.

Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng chứa đựng nhiều yếu tố gây khó khăn, thách thức lớn, nhất là với các quốc gia đang phát triển.

Chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, hoạt động can thiệp, khủng bố, tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển đảo… tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi.

Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp cùng giải quyết. Khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Đông Nam Á tiếp tục phát triển nhưng tiềm ẩn khủng hoảng những gây mất ổn định.

Sau 20 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước thay đổi toàn diện, thế, lực và uy tín quốc tế của Vệt Nam tăng cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, các nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng đã xác định vẫn là những thách thức lớn.

***\* Đại hội X của Đảng (4/2006)***

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng thay mặt cho 3,1 triệu đảng viên cả nước đã họp tại Hà Nội (4-2006). Đại hội đã thông qua các Văn kiện chính trị và tiếp tục bầu Nông Đức Mạnh làm Tổng Bí thư Đảng.

- *Đại hội tổng kết* 20 năm đổi mới (1986-2006) và rút ra 5 bài học lớn:

*Một là,* trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Hai là,* đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là,* đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. *Bốn là,* phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Năm là,* nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực. Phát triển văn hoá, nền tảng tinh thần của xã hội.

- Giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội X của Đảng là dấu mốc quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội X là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ, phát triển với tốc độ nhanh và bền vững hơn.

\*. ***Lãnh đạo thực hiện kế hoạch 5 năm (2006-2011)***

Trong chương trình toàn khóa X, Trung ương Đảng đã họp và chỉ đạo và thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- *Đổi mới kinh tế*

*+ Một là, chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*

Thế kỷ XXI được thế giới xem là “Thế kỷ của đại dương”. Biển Việt Nam có vị trí địa kinh tế và địa chính trị rất quan trọng. Với nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng, biển Việt Nam có vai trò to lớn đối với sự phát triển đất nước. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 kinh tế biển Việt Nam đóng góp khoảng 53-55% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thu hút mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa. Phát huy đầy đủ, có hiệu quả các nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác quốc tế thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

*+ Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Nhận thức đầy đủ và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Bảo đảm đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường.

Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*+ Ba là,* *phát triển* *nông nghiệp, nông dân, nông thôn*

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Các chủ trương quan trọng nêu trên thể hiện nhận thức mới và tầm nhìn xa của Đảng, mở ra hướng mới phát triển kinh tế đất nước.

Kết quả, qua 5 năm (2005-2010), tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001-2005, đạt 42,9% GDP. Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đạt cao[[1]](#footnote-1). GDP năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD.

- *Đổi mới hệ thống chính trị[[2]](#footnote-2)*

*+ Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí*

Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư­ tư­ởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí phải phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, củng cố hệ thống chính trị và đoàn kết toàn dân, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Tích cực, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phòng ngừa là chính. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy dân chủ, chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết kiên trì, liên tục với những bư­ớc đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nư­ớc ngoài.

*+ Hai là,* chủ trương cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân không giới hạn về quy mô, phạm vi nhưng phải bảo đảm tuân thủ Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng và quy định của pháp luật Nhà nước đồng thời nêu cao tính tiền phong gương mẫu của người đảng viên.

*+ Ba là*, *tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng*

Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là của các cấp ủy Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, phương pháp công tác đảng. Tổ chức đảng, đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng và của nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn chặt với công tác tư tưởng, công tác tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát. Giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm. Chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời phát hiện những nhân tố mới.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây là chính.

Đề cao trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân trong kiểm tra, giám sát.

*+ Ba là*, *tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị*:

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đẩy mạnh phân cấp, tăng trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng, phải chủ động, tích cực, có quyết tâm cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm, vừa tổng kết, rút kinh nghiệm.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị vừa phải quán triệt nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm từng cấp, ngành.

*+ Bốn là*, *tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”.

Năm 2007, với chủ đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, tác phẩm *Di chúc*.

Năm 2008, học tập chủ đề “Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu” và tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*.

Năm 2009, học tập chủ đề “Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân” và kiểm điểm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Người.

Năm 2010, học tập chủ đề “Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh” gắn với công tác tổ chức và tiến hành Đại hội Đảng các cấp.

*+ Năm là*, *nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*:

Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Ðảng, là cầu nối giữa Ðảng với dân, có vị trí rất quan trọng trong hệ thống tổ chức của Ðảng. Toàn Ðảng phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; bảo đảm sự lãnh đạo của Ðảng trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Ðảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Ðảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc tham gia xây dựng Ðảng.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp, kết hợp chặt chẽ với thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, với xây dựng chính quyền, các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở vững mạnh, với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

*+ Sáu là*, *đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*:

Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước.

Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước.

*+ Bảy là*, *xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*[[3]](#footnote-3):

Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; tiên phong, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế.

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hoá giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược.

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của mỗi người công nhân.

*+ Tám là*, *mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội*:

Hà Nội là trái tim của cả nước, trung tâm đầu não về chính trị-hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học-kỹ thuật, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, cần có quy mô phù hợp, bảo đảm cho sự phát triển bền vững, lâu dài. Mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội phải đáp ứng đầy đủ các chức năng và vị thế của một thủ đô hiện đại; phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển vùng Hà Nội, phù hợp với các điều kiện địa lý-lịch sử-văn hoá truyền thống.

*+ Chín là*, *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*

Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội.

Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước.

Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của thanh niên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới.

*+ Mười là*, *xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế*

Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Ðầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.

Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Ðảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định.

Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Các chủ trương đổi mới hệ thống chính trị nêu trên của Đảng đã góp phần giữ ổn định chính trị, phát triển đất nước đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra.

- *Phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội*

*+ Một là*, *về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*

Công tác tư tưởng, lý luận là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ.

Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, những giá trị truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hoá thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

Công tác tư tưởng là nhiệm vụ của toàn Đảng, của tất cả đảng viên, trước hết là cấp uỷ các cấp và bí thư cấp ủy, của cả hệ thống chính trị với sự tham gia của nhân dân, trong đó lực lượng nòng cốt là đội ngũ chuyên trách làm công tác tư tưởng, lí luận, báo chí của Đảng.

Công tác tư tưởng của Đảng là công tác đối với con người, đòi hỏi phải nắm vững những quy luật riêng của tư tưởng, có thái độ, phương pháp khoa học, kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu định hướng tư tưởng với sự tự nguyện, giữa lí trí và tình cảm, giữa lời nói và việc làm, giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” làm chính, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực.

Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị-xã hội và là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Hoạt động báo chí phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng.

*+ Hai là*, *tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*

Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hoá; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam.

Văn học, nghệ thuật Việt Nam phải phát triển toàn diện và mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ.

Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

*+ Ba là*, *cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ­ưu đãi người có công giai đoạn 2008-2012*

Coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực cho phát triển kinh tế-xã hội.

Cải cách chính sách tiền lương phải tiến tới bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức sống được bằng tiền lương ở mức trung bình khá trong xã hội.

Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công phải gắn với việc kiềm chế tốc độ tăng giá, bảo đảm tốt hơn đời sống của người nghèo, đồng bào dân tộc, đối tượng chính sách xã hội.

Qua 5 năm (2005-2010), đổi mới giáo dục đạt kết quả bước đầu. Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo đạt trên 20% tổng chi ngân sách. Đến năm 2010, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng, năm 2010 đạt 40% tổng số lao động đang làm việc. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ được đẩy mạnh. Trong 5 năm, đã giải quyết được việc làm cho trên 8 triệu lao động, tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm còn dưới 4,5%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%.

- *Phát triển kinh tế nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO*

Tháng 11-2006, Việt Nam chính thức là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Quan điểm chỉ đạo hội nhập quốc tế của Đảng:

Giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân. Nhân dân là chủ thể của hội nhập và được hưởng thành quả từ hội nhập. Duy trì tốc độ tăng tr­ưởng kinh tế cao đi liền với nâng cao chất lượng và hiệu quả của tăng tr­ưởng.

Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế-xã hội; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái. Gắn khai thác với sử dụng có hiệu quả cao các nguồn lực; phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Như vậy, đến năm 2010, Việt Nam đã hoàn thành phân giới cắm mốc trên đất liền với Trung Quốc; tăng dày hệ thống mốc biên giới với Lào; hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia; bước đầu đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc và thúc đẩy phân định biển phía Tây Nam với các nước liên quan. Việt Nam đã đảm nhiệm tốt vai trò Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch Hội đồng liên nghị viện các nước Đông Nam Á (AIPA).

***d. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2016)***

***\** Tình hình mới:**

- Thế giới: hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, tuy nhiên có nhiều diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn những bất trắc khó lường. Căng thẳng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, chiến tranh cục bộ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn sẽ diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao trong các lĩnh vực tài chính - tiền tệ, điện tử - viễn thông, sinh học, môi trường... còn tiếp tục gia tăng.

**-** Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hoá trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế. Toàn cầu hoá và cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức

- Cạnh tranh về kinh tế - thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, công nghệ, nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao... giữa các nước ngày càng gay gắt. Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, thiên tai, dịch bệnh... sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp.

**-** Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, vẫn sẽ là khu vực phát triển năng động nhưng tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. ASEAN tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khu vực.

**-** *Trong nước:*Những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới (1986 - 2011) đã tạo ra cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào.

- Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng.

**-** Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” có những diễn biến phức tạp.

\* **Nội dung Đại hội XI của Đảng (2011)**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng họp tại Hà Nội (1-2011). Đại hội thay mặt cho 3,6 triệu đảng viên cả nước và thông qua các Văn kiện chính trị quan trọng : *Báo cáo chính trị* ; *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020; Đại hội bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta;* bầu Nguyễn Phú Trọng làm Tổng Bí thư Đảng.

*- Đại hội* kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội X; 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 và nêu ra một số kinh nghiệm:

*Một là,* trong bất kỳ điều kiện, tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. *Hai là,* phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. *Ba là,* phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. *Bốn là,* đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. *Năm là,* trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo.

*- Đại hội nêu ra ba đột phá chiến lược*:

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

*- Định hướng phát triển kinh tế-xã hội*:

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

- Cương lĩnh đã phân tích công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta trong điều kiện mới đầy biến động và đề ra *Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta* là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. *Từ nay đến giữa**thế kỷ XXI,* toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Để thực hiện thành công các mục tiêu nêu trên, *Cương lĩnh* đề ra *các phương hướng cơ bản sau đây:*

*Một là,* đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

*Hai là,* phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là,* xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*Bốn là,* bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

*Năm là,* thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

*Sáu là,* xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

*Bảy là,* xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

*Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

*- Cương lĩnh* phân tích tiến trình cách mạng Việt Nam và sự phát triển của thời đại, Cương lĩnh khẳng định:

+ Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch HồChí Minh phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

+ Trên cơ sở nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và dựa trên thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và điều kiện cụ thể của Việt Nam, Cương lĩnh đã phát triển 6 đặc trưng của Cương lĩnh 1991 và nêu bật 8 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đó là xã hội:

Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

Do nhân dân làm chủ;

Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp;

Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;

Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển;

Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;

Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

- *Về đối ngoại*: Đại hội khẳng định thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; *là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm* trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích dân tộc Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

- *Đổi mới Đảng*: xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu để thực hiện thắng lợi mục tiêu của Đảng.

Đại hội XI thể hiện trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta, tiếp tục khẳng định, hoàn thiện và phát triển đường lối đổi mới trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

**\* Lãnh đạo thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2016)**

Thực hiện Nghị quyết XI, trong 5 năm (2011-2016), Hội nghị Trung ương 4, 5, 6, 7 (2012 - 2013) của Đảng đã chỉ đạo quyết định đổi mới những vấn đề quan trọng, nổi bật:

- ***Đổi mới kinh tế***

*+ Một là,* *xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020:*

Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải hiện đại, đồng bộ trên phạm vi cả nước, từng ngành, từng vùng và từng địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Phát triển kết cấu hạ tầng là sự nghiệp chung, vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của toàn xã hội, mọi người dân đều có trách nhiệm tham gia đóng góp. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh; thu hẹp khoảng cách vùng, miền; gắn với tiết kiệm đất canh tác, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

*+ Hai là,* *tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt; là tài sản, nguồn lực to lớn của đất nước, là nguồn sống của nhân dân ta. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai; không đặt vấn đề điều chỉnh lại đất nông nghiệp đã giao trước đây.

Đất đai được phân bổ hợp lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả cao; bảo đảm lợi ích trước mắt và lâu dài. Đất đai phải bảo đảm sự quản lý nhà nước chặt chẽ, thống nhất của Trung ương đồng thời phân cấp phù hợp cho địa phương.

*+ Ba là,* *tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*

Doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, là lực lượng vật chất quan trọng, là công cụ hỗ trợ để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô. Doanh nghiệp nhà nước phải tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng.

Qua 5 năm 2011-2015, quy mô và tiềm lực kinh tế đất nước được nâng lên. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, năm sau cao hơn năm trước. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh.

**-  *Đổi mới hệ thống chính trị***

*+ Một là,* *tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”[[4]](#footnote-4), coi đây là nội dung thường xuyên, nhiệm vụ quan trọng, tự giác của các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, của mỗi cán bộ, đảng viên, của nhân dân. Năm 2011-2012, học tập chủ đề: “Suốt đời phấn đấu cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân, đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị”.

Năm 2013, chủ đề: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương; nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp”.

Năm 2014,chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nêu cao tinh thần trách nhiệm chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm”. Năm 2015,chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung thực, trách nhiệm; gắn bó với nhân dân; đoàn kết, xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh”.

*+ Hai là,* *tập trung cao độ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt* *một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng..* Đó là ba vấn đề cấp bách:

Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Phương châm của Đảng là nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, khách quan, không nể nang, né tránh. Các giải pháp phải bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, kết hợp “chống và xây”, “xây và chống”, nói đi đôi với làm, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, trì trệ nhất.

*+ Ba là,* *tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 3 (khóa X) “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”.* Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị do Tổng Bí thư làm Trưởng ban; lập lại Ban Nội chính Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Hội nghị trung ương 6, khóa XI (10-2012) đã đánh giá kết quả sau một năm kiểm điểm, tự phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4. Tại Hội nghị, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nghiêm túc tự phê bình và thành thật nhận lỗi trước Trung ương và toàn Đảng, toàn dân về tất cả những yếu kém, tồn tại trong công tác xây dựng Đảng, về những suy thoái, hư hỏng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Trung ương đã quyết định thành lập Ban Kinh tế Trung ương; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; chủ trương bổ sung Hiến pháp năm 1992 đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

*+ Bốn là,* *tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ.

Động lực thúc đẩy phong trào nhân dân là phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân.

Phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Nhà nước tiếp tục thể chế hóa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” thành quy chế, quy định để mọi tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ, đảng viên thực hiện công tác dân vận; các hình thức tập hợp nhân dân phải phong phú, đa dạng, khoa học, hiệu quả.

Trung ương đã kết luậntiếp thu chân thành, tối đa những ý kiến hợp lý của nhân dân để hoàn thiện bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992; kiên trì những vấn đề có tính nguyên tắc về bản chất của chế độ chính trị và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Qua 5 năm 2011-2015, những đổi mới về hệ thống chính trị đã góp phần ổn định tình hình chính trị-xã hội, quốc phòng, an ninh được tăng cường; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

- *Xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội*

*+ Một là,* *xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng; phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và xây dựng con người mới.

Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

*+ Hai là,* *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*

Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; kết hợp giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội.

Phát triển giáo dục-đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học và công nghệ, phù hợp quy luật khách quan.

Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo.

Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục- đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Đến năm 2030, giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc đổi mới và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập.

*+Ba là,* *phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá* trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.Phấn đấu đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ.

Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ.

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án khoa học và công nghệ của Việt Nam.

*+ Bốn là,* *chủ trương giải quyết một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*

Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Ðảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế-xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của đất nước trong từng thời kỳ.

Hệ thống an sinh xã hội phải đa dạng, toàn diện, chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư; bảo đảm bền vững, công bằng.

Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia.

Tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

*+ Năm là,* *chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*:

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước.

Ứng phó với biến đổi khí hậu phải được đặt trong mối quan hệ toàn cầu; không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững.

Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước phải được đánh giá đầy đủ các giá trị, định giá, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội.

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu vừa là một nội dung cơ bản của phát triển bền vững. Phương châm là ứng xử hài hòa với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Qua 5 năm 2011-2015, việc xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội có bước phát triển. An sinh xã hội được quan tâm nhiều hơn và cơ bản được bảo đảm, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu có những chuyển biến tích cực, tuy vẫn còn nhiều vấn đề bức xúc cần phải giải quyết.

-  *Tăng cường quốc phòng, an ninh*

Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (10-2013) đã đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc*; phân tích bối cảnh, dự báo xu hướng phát triển của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước; chỉ rõ thành tựu, hạn chế, nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, thiếu sót; chỉ ra nguyên tắc cơ bản, tiêu chí phân loại đối tác, đối tượng và sự chuyển hóa giữa đối tác và đối tượng. Tiếp tục những quan điểm bảo vệ Tổ quốc được xác định trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và bổ sung:

Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng sức mạnh tổng hợp; phát huy nội lực kết hợp với ngoại lực.

Kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược và sách lược tạo sự đồng thuận cao của nhân dân ta ở trong nước và nước ngoài; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ cao nhất của dư luận quốc tế. Đặc biệt coi trọng mối quan hệ giữa yếu tố bên trong với bên ngoài, đoàn kết toàn dân tộc.

Qua 5 năm 2011-2015, chính trị-xã hội đất nước ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững hòa bình,bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đó là những tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục phát triển nhanh, bền vững hơn trong thời kỳ mới.

**e. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và thực hiện Nghị quyết Đại hội XII (2016-2018)**

***\* Bối cảnh lịch sử***

- Thế giới:

+ Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng.

+ Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

***+*** Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực.

***+*** Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực.

***+*** Biến động của giá cả thế giới, sự bất ổn về tài chính, tiền tệ và vấn đề nợ công tiếp tục gây ra những hiệu ứng bất lợi đối với nền kinh tế thế giới. Tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đang có nhiều thay đổi. Hầu hết các nước trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới thể chế kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các hiệp định kinh tế song phương, đa phương thế hệ mới.

***+*** Châu Á, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài.

*Trong nước:*

*+*Thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Kinh tế từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp.

+ Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ "diễn biến hòa bình" của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

+ Vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

***\* Nội dung Đại hội XII (1/2016)***

Đại hội XII của Đảng thay mặt chó 4,5 triệu đảng viên trong toàn Đảng họp tại Hà Nội (1-2016) đã tổng kết 30 năm đổi mới; vạch ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2016-2020, bầu Nguyễn Phú Trọng làm Tổng Bí thư.

- Đánh giá thành quả và hạn chế, yếu kém trong 5 năm (2011-2015) và nêu ra *một số kinh nghiệm*: *Một là,* chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. *Hai là,* nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp. *Ba là,* gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa-nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. *Bốn là,* kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển; phát huy mọi nguồn lực trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. *Năm là,* chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia-dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Đại hội bổ sung một số vấn đề lý luận :

+ Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

+ Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

+ Xây dựng, phát triển văn hoá, con người. Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

+ Quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

+ Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội XII của Đảng là Đại hội “Đoàn kết-Dân chủ-Kỷ cương-Đổi mới”, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

***\* Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội XII***

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Trung ương Đảng Đảng đã tiếp tục chỉ đạo đổi mới những lĩnh vực trọng yếu sau:

- *Đổi mới kinh tế*

*+ Một là, tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế*

Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về kinh tế, xã hội, môi trường.

Chú trọng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, trí sáng tạo của con người Việt Nam và thành tựu khoa học-công nghệ của nhân loại, mọi tiềm năng, lợi thế của các ngành, lĩnh vực, các địa phương và cả nước.

Gắn kết chặt chẽ với thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế với trọng tâm ưu tiên là: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế.

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại đầu tư công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng, ngân sách nhà nước và nợ công; cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công.

*+ Hai là, thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới*

Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia-dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu.

Bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh; giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

*+ Ba là, chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển liên tục; kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta.

Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị, trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*+ Bốn là, tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*

Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối ở những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước.

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước để làm tốt vai trò nòng cốt, dẫn dắt phát triển các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

Cơ cấu lại, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo cơ chế thị trường là quá trình thường xuyên, liên tục với phương thức thực hiện và lộ trình hợp lý.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng; phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội trong giám sát đối với việc cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

+ *Năm là,* *chủ trương phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, ngăn chặn, mặt tiêu cực của kinh tế tư nhân.

Kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá hoặc Nhà nước thoái vốn.

Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần tự lực, tự cường, lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, gắn bó với lợi ích của đất nước và của các chủ doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng vững mạnh.

- *Đổi mới hệ thống chính trị*

*+ Một là,* tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ.

*+ Hai là,* *tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ* với quan điểm chỉ đạo:

Nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật. Kết hợp giữa “xây” và “chống”; “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách.

Kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cấp là nòng cốt.

Tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Giữ vững nguyên tắc, kỷ luật của Đảng; đề cao pháp luật của Nhà nước. Chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị.

*+ Ba là,* *tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội và quyền làm chủ của nhân dân; bám sát đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước.

Giữ vững các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị.

Bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách chế độ tiền lương.

Lãnh đạo tập trung, thống nhất; thực hiện thường xuyên, liên tục, tích cực, mạnh mẽ, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi vững chắc, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài.

Thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng chống phá, chia rẽ nội bộ.

*+ Ba là,* *tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*

Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu, là nhiệm vụ chính trị vừa cấp bách, vừa lâu dài của Đảng .

Nhà nước chăm lo, bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công cho mọi tầng lớp nhân dân.

Đẩy mạnh xã hội hoá, nhất là trong các ngành, lĩnh vực và địa bàn mà khu vực ngoài công lập làm được và làm tốt; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển lành mạnh thị trường dịch vụ sự nghiệp công.

Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong quá trình đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

*+ Bốn là,* *tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*

Công tác cán bộ là khâu "then chốt" của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững.

Thực hiện nghiêm, nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Chuẩn hoá, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng thể chế, tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, thường xuyên đổi mới công tác cán bộ phù hợp với tình hình thực tiễn.

Quán triệt nguyên tắc về quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trực tiếp là của các cấp ủy, tổ chức đảng mà trước hết là người đứng đầu và cơ quan tham mưu của Đảng, trong đó cơ quan tổ chức, cán bộ là nòng cốt.

- *Về giải quyết các vấn đề xã hội*

*+ Một là, tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới*

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó ngành y tế là nòng cốt.

Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Nhà nước ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

Phát triển nền y học Việt Nam khoa học, dân tộc và đại chúng. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

Hướng tới thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân.

Nhân lực y tế phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn và y đức; cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt. Hệ thống mạng lưới y tế phải rộng khắp, gần dân; được chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ.

*+ Hai là, về công tác dân số trong tình hình mới*

Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân.

Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển; chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

Chính sách dân số phải bảo đảm cân bằng, hài hoà giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa việc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật.

Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển.Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá; tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

Dân số và phát triển, giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bổ và chất lượng dân số.

*+ Ba là,* *cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp*

Cải cách chính sách tiền lương phải bảo đảm tính tổng thể, hệ thống, đồng bộ, kế thừa và phát huy những ưu điểm, khắc phục có hiệu quả những hạn chế; tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật của kinh tế thị trường.

Nhà nước trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; thực hiện chế độ đãi ngộ, khen thưởng xứng đáng theo năng suất lao động.

Nhà nước quy định tiền lương tối thiểu trong khu vực doanh nghiệp là mức sàn thấp nhất để bảo vệ người lao động yếu thế, đồng thời là một trong những căn cứ để thoả thuận tiền lương và điều tiết thị trường lao động.

*+ Bốn là,* *cải cách chính sách bảo hiểm xã hội*

Bảo hiểm xã hội là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển hệ thống chính sách bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế.

Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển và phải đặt trong mối tương quan với đổi mới, phát triển các chính sách xã hội khác.

Phát triển hệ thống tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội bảo đảm tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, hiện đại, nâng cao tính hấp dẫn, củng cố niềm tin và sự hài lòng của người dân và các chủ thể tham gia bảo hiểm xã hội.

Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội, doanh nghiệp và của mỗi người dân.

***3. Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo công cuộc đổi mới (1986-2016)***

\* *Những thành tựu*

- Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội và tình trạng kém phát triển. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển:

Thời kỳ 2001-2005 đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm là 7,5% và hai năm 2006-2010 tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 7%/năm; trong 10 năm 2001-2010 tăng trưởng 7,26% /năm, từ 2011 đến 2015, tăng trưởng GDP năm 2011 đạt 6,24%, năm 2012: 5,25%, năm 2013: 5,42%, năm 2014: 5,98% và năm 2015 đạt 6,68%. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới tại Hội nghị đối tác phát triển Việt Nam (ngày 05-12-2014), trong giai đoạn khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu (2008 - 2013), Việt Nam đạt 4,6%, Trung Quốc là 8,5%, In-đô-nê-xi-a đạt 4,5%, Phi-lip-pin đạt 3,3%, Thái Lan đạt 2,7%, Ma-lai-xi-a đạt 2,6%. Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh so với các nước trong khu vực và thế giới, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình trên thế giới.

Năm 2010, GDP) đạt 101,6 tỷ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000 (31,2 tỷ USD). Năm 2008, GDP bình quân đầu người theo giá trị thực tế đã đạt 1.047 USD, năm 2010 đạt 1.168 USD, gấp khoảng 3 lần so với năm 2000. Năm 2011-2015, quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng lên; GDP năm 2015 đạt 193,4 tỉ USD, bình quân đầu người khoảng 2.109 USD. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2007-2008 đạt 0,733, xếp hạng 100/177 quốc gia và lãnh thổ, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Nước ta đã ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp.

- Chính trị-xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

- Văn hoá, xã hội đạt được những thành tựu quan trọng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, một số mặt đạt trình độ của các nước phát triển trung bình. Chỉ số phát triển con người tăng lên, từ 0,683 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 100/177 nước tham gia xếp hạng. Thu nhập thực tế sau 10 năm gấp 3,5 lần so với năm 2000. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,09 lần năm 2004 và 2 lần năm 2008. Xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Đã hoàn thành phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên Hợp quốc đề ra cho năm 2015.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao[[5]](#footnote-5).

Những thành tựu đó *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*.

\* *Hạn chế, khuyết điểm:*

*-* Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải tổng kết để tiếp tục làm rõ.

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô có lúc thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

\* *Một số kinh nghiệm* trong 30 năm đổi mới

*Một là,* trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

*Hai là,* đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Ba là,* đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật, xuất phát, bám sát và coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận.

*Bốn là,* đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

*Năm là,* thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường quan hệ mật thiết với nhân dân.

**III. TỔNG KẾT 90 NĂM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG: THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**1.Tổng kết:**

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã trải qua những thời kỳ, giai đoạn lịch sử quan trọng, ghi những dấu mốc lịch sử của Đảng, của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã lãnh đạo toàn thể dân tộc Việt Nam tiến hành sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; xây dựng chế dộ Việt Nam dân chủ cộng hòa; lãnh đạo đưa Việt Nam xây dựng CNXH; lãnh đạo sự nghệp đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế. Thành tựu của cách mạng vô cùng phong phú, toàn diện và vẻ vang phản ánh quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

**2. Thành tựu và hạn chế**

***A. Thành tựu:***

***- Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*.**

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đánh đổ ách cai trị của thực dân, phát xít, giành độc lập, đồng thời cũng là cuộc cách mạng dân chủ do nhân dân tiến hành, đánh đổ chế độ quân chủ phong kiến chuyên chế. Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã kết hợp đúng đắn đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, thống nhất lợi ích của các giai cấp với lợi ích tối cao của dân tộc, kết hợp chặt chẽ mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô viết Nghệ-Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

Cách mạng Tháng Tám thành công là kết quả của quá trình Đảng chủ động nắm bắt thời cơ cách mạng, phát động và lãnh đạo cao trào cách mạng cứu nước, phát triển tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tạo ra thực lực cách mạng, phát triển sức mạnh trong nước để khi nhân tố bên ngoài thuận lợi xuất hiện, Nhật đầu hàng Đồng Minh, Đảng đã chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa. Triệt để tận dụng thời cơ đồng thời chủ động đẩy lùi nguy cơ: thực dân Pháp quay lại áp đặt sự cai trị như trước gày 9-3-1945 và quân Đồng Minh kéo vào giải giáp quân Nhật và có ý đồ phá hoại nền độc lập của Việt Nam. Chớp đúng thời cơ và đẩy lùi nguy cơ là thành công nổi bật của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã xử lý thành công các mối quan hệ quốc tế với kẻ thù trực tiếp, với các nước Đồng Minh (Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc) với chiến lược rõ ràng và sách lược phù hợp bảo đảm cho cách mạng nổ ra và giành thắng lợi.

***- Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc***.

Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954). Trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự, độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh cách mạng, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, kế thừa truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc, Đảng đã phát triển phong phú các hình thức chiến tranh nhân dân, phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam, kết hợp kháng chiến với kiến quốc đã đưa kháng chiến đến thắng lợi với Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử và ký kết Hiệp định Geneve.

Trong cuộc chống Mỹ, cứu nước, Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Một đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm chia làm hai miền với hai chiến lược cách mạng khác nhau là đặc điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam 1954-1975. Cùng với đường lối cách mạng, Đảng phải phát triển sáng tạo về phương pháp cách mạng. Sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng: lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân. Tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao. Kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy. Đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị. Đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận. Kết hợp ba thứ quân, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ. Thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ. Nắm vững phương châm chiến lược đánh địch lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy đè bẹp quân địch để giành thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

***- Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.***

Cần nhận thức rõ, sự nghiệp đổi mới là kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi đất nước thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng kiến của nhân dân, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế.

Đường lối đổi mới do Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đề ra là bước đổi mới quan trọng về tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn những luận điểm của Karl Marx và V.I.Lenin về những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hiểu rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quá độ len chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới cũng là kết quả của quá trình tổng kết, tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, từng bước khắc phục lối tư duy chủ quan, duy ý chí, giáo điều, nóng vội và thấy rõ sự cần thiết phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Đường lối đổi mới dựa trên cơ sở sáng kiến, nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân và do đó trở thành yêu cầu khách quan, tất yếu của cuộc sống.

Từ thực tiễn sôi động và hiệu quả thiết thực của quá trình đổi mới mà đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được bổ sung, phát triển. Đường lối đổi mới gắn liền với Đảng đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội các chặng đường 10 năm, gắn với quá trình cụ thể hóa, thể chế hóa thành những chính sách và hệ thống pháp luật.

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa, quản lý hành chính, tập trung, bao cấp, nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1996), đảy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có mức thu nhập trung bình (2008), phấn đấu sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và văn hóa tinh thần. Chính trị, xã hội ổn định và hệ thống chính trị vững mạnh với vai trò của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại mở rộng, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc, quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, tạo môi trường hòa bình, hợp tác, phát triển, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

***b. Hạn chế***

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam (1-2016) tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định những thành tựu, đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, nhất là công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn nhân lực được huy động; đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) nêu ra vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như tham nhũng, lãng phí, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Nhìn lại 30 năm đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh **một số bài học:**

Trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tâọ trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Phải đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Cũng cần nhấn mạnh, từ thực tiễn đổi mới, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn mà nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn. Sáng tỏ hơn về mục tiêu, mô hình của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với 8 đặc trưng mà Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã đề ra. Sáng tỏ hơn về chế độ kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sáng tỏ hơn về những nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là *bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa*. Kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Việt Nam đã và đang kế thừa thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt là cách mạng công nghiệp lần thứ 2, lần thứ 3 và nhất là cách mạng công nghiệp lần thứ 4, cách mạng 4.0.

Lãnh đạo công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa với tầm nhìn chiến lược, định ra những mục tiêu chiến lược lâu dài khi đất nước kết thúc thời kỳ quá độ xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, vừa chú trọng những vấn đề bức thiết đang đặt ra để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đó là đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những quy luật và yêu cầu cao. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã họi. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

2. **Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng**

1. ***Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội***

Học thuyết cách mạng, khoa học Mác-Lênin soi sáng sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng các dân tộc, giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bóc lột, bất công để xây dựng một xã hội tốt đẹp vì con người, đó là chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm giải phóng dâ tộc và giải phóng giai cấp là hai cuộc giải phóng vĩ đại, quan hệ mật thiết với nhau như hai cánh chim. Độc lập dân ttộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930) xác định rõ mục tiêu: *Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập* và *để đi tới xã hội cộng sản*. Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn nắm vững và kiên định các mục tiêu chiến lược đó. Cách mạng Tháng Tám 1945 đã giành được độc lập cho dân tộc, nhưng lại phải tiến hành 30 năm chiến tranh cách mạng chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vào ngày 30-4-1975 mới giành được độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra trực tiếp ở miền Bắc từ năm 1954 và trên cả nước từ năm 1975. Công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay đang hiện thực hóa những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà Cương lĩnh của Đảng đã đề ra, vì dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vị chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

***2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân***

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử, đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động để nhân dân hiểu rằng cách mạng là công việc của chính nhân dân. Người mong muốn, cách mạng thành công thì *quyền giao cho dân chúng số nhiều*. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Khi Đảng nắm chính quyền, thì chính quyền đó là để gánh việc chung cho dân chứ không phải để cai trị dân; việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại đến dân phải hết sức tránh.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Ngoài lợi ích của dân tộc, giai cấp và nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác. từ khi thành lập (1930), Đảng đã xác định luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu trang mà trưởng thành. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Nhân dân là người bảo vệ Đảng, giúp đỡ Đảng về mọi mặt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và chính phong trào cách mạng của nhân dân đã hiện thực hóa mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ xa rời quần chúng nhân dân và cả nguy cơ suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Cương lĩnh của Đảng (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu rõ, quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng. Ở mọi thời kỳ cách mạng, nhất là trong điều kiện hiện nay, Đảng đặc biệt chú trọng công tác vận động quần chúng nhân dân. Thấm nhuần chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *dân vận khéo thì việc gì cũng thành công*. Trong công cuộc đổi mới, cùng với bài học *lấy dân làm gốc*, Đảng chú trọng thực hiện phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Đảng và các cơ quan nhà nước các cấp phải thật sự hiểu dân, tin dân, gần dân, bàn bạc với dân và thật sự vì dân.

***3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế***

Đoàn kết là nguyên tắc của Đảng chân chính cách mạng. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848), Karl Marx và Friedrich Engels đã nêu rõ khẩu hiệu chiến lược: *Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại*. Đầu thế kỷ XX, V. I. Lenin và Quốc tế Cộng sản bổ sung: *Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại*. Đối với dân tộc Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng nêu cao ngọn cờ dân tộc, lợi ích quốc gia, dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc là điểm căn bản và nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Người coi giữ gìn đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Người cũng là hiện thân của tinh thần đoàn kết quốc tế.

Nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự đoàn kết và ủng hộ của đồng chí, bè bạn và nhân dân thế giới, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng nhấn mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung, Khép lại quá khứ, xóa bỏ định kiến, hận thù, mặc cảm, hướng tới tương lai. Đại đoàn kết dân tộc, nhân dân luôn luôn gắn liền với phát huy và hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tôn trọng quyền con người, quyền và trách nhiệm công dân. Trong lịch sử, Đảng đã chú trọng xây dựng các tổ chức Mặt trận, các đoàn thể để đoàn kết toàn dân, ngày nay, tăng cường xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt nhất đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tạo sự đồng thuận xã hội.

***4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế***

Chủ nghĩa Mác-Lênin mang bản chất quốc tế, cách mạng của giai cấp vô sản không chỉ giải phóng giai cấp lao động trong một nước mà giải phóng toàn nhân loại. Đoàn kết và ủng hộ lẫn nhau giữa các cuộc cách mạng và nhân dân các nước là yêu cầu khách quan tất yếu. Trong thế giới hiện đại, nhiều vấn đề không thể giải quyết trong phạm vi một nước mà cấn đến sự hợp tác quốc tế. Hồ Chí Minh là lãnh tụ dân tộc, lãnh tụ của Đảng đồng thời là chiến sĩ quốc tế. Người thấy rõ sự cần thiết phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước minh phải tự giúp lấy mình đã”[[6]](#footnote-6). Quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, tạo nên nhân tố quyết định thắng lợi.

Cách mạng Tháng Tám 1945 đã phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc, với ý chí đem sức ta mà tự giải phóng cho ta đồng thời tận dụng cơ hội thuận lợi khi phe Đồng minh chiến thắng phát xít Nhật. Trong hai cuộc kháng chiến, sức mạnh của dân tộc được huy động cao nhất với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng huy động cao nhất nguồn lực trong nước đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài bao gồm cả viện trợ, cho vay và đầu tư trực tiếp. Tích cực, chủ động hợp tác với các nước, hội nhập quốc tế, tạo cả thế và lực để phát triển đất nước. Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, đã tạo được sự hội nhập thành công đồng thời vẫn giữ vững độc lập, tự chủ và con đường phát triển của đất nước.

***5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam***

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đặc biệt chú trọng xây dựng Đảng Cộng sản-đội tiền phong của giai cấp vô sản. Đảng Cộng sản phải được trang bị lý luận tiền phong, khoa học, có Cương lĩnh chính trị rõ ràng, được tổ chức theo những nguyên tắc cơ bản và với kỷ luật chặt chẽ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng để tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, Đảng không có chủ nghĩa (lý luận) cũng giống như người không có trí khôn. Đảng phảo hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước vì hạnh phúc của nhân dân. Người nhấn mạnh, Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng. Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đề ra 23 điều về tư cách người cách mệnh. Năm 1947, Người đề ra 12 điều về tư cách của một Đảng chân chính cách mạng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Không ngừng phát triển, bổ sung Cương lĩnh chính trị, đường lối, nắm vững và kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Khẳng định tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, đồng thời chú trọng các nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng; tự phê bình và phê bình; gắn bó mật thiết với nhân dân và nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chú trọng công tác cán bộ, coi cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Rèn luyện đạo đức cách mạng là nội dung cơ bản trong xây dựng Đảng. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo. Đảng lãnh đạo bằng đường lối và những quyết sách đúng đắn và thông qua hệ thống tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị; thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên trên tất cả các lĩnh vực nhằm hiện thực hóa đường lối của Đảng. Chú trọng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và không ngừng làm rõ những vấn đề đặt ra trong khoa học lãnh đạo quản lý.

Để hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo của Đảng cầm quyền, Đảng không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Đảng không ngừng đổi mới, tự chỉnh đốn; phòng ngừa, đẩy lùi nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân và cả nguy cơ suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (30-10-2016) đã ban hành Nghị quyết *Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn liền với thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị (15-5-2016) về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII (25-10-2017) về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII (19-5-2018) về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, thật sự làm cho Đảng vững mạnh, tiếp tục hoàn thành sữ mệnh lãnh đạo xã hội và Nhà nước, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ

1. Trong 5 năm 2006-2010, tổng vốn FDI thực hiện đạt gần 45 tỉ USD, vượt 77,8% so với kế hoạch đề ra. Tổng số vốn đăng ký mới và tăng thêm ước đạt 146,8 tỉ USD, gấp 2,7 lần kế hoạch đề ra và gấp hơn 7 lần so với giai đoạn 2001-2005. Tổng vốn ODA cam kết đạt trên 31 tỉ USD, gấp hơn 1,3 lần so với mục tiêu đề ra; giải ngân ước đạt khoảng 13,8 tỉ USD, vượt 17,5%. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3, 7 khóa X. [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (1-2008). [↑](#footnote-ref-3)
4. Chỉ thị số 03-CT/TW (5-2011) của Bộ Chính trị khóa XI. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tham gia giải pháp chính trị vấn đề Campuchia (1989), bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (năm 1991), với Hoa Kỳ (năm 1995); gia nhập ASEAN (năm 1995); gia nhập WTO (năm 2006); ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP (năm 2015). Đến năm 2015, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 185 nước. Đến năm 2015, Việt Nam đã thu hút hàng chục tỷ USD vốn ODA, trên 250 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài. [↑](#footnote-ref-5)
6. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, trang 320. [↑](#footnote-ref-6)